

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 12

1. Đường Cao Tông: (Canh Tuất)

Cao Tông tên là Trị, tự là Vi Thiện, lúc nhỏ tự là Hùng Nô, con thứ chín của Thái Tông. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Huy, thọ năm mươi sáu tuổi, an táng ở Càn lăng, trị vì ba mươi bốn năm (Có thuyết nói ở ngôi ba mươi sáu năm hoặc ba mươi năm). Ông phong Chu Công làm Tiên thánh, phong Khổng Tử là Tiên sư.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ đã một ngàn sáu trăm năm.

2. Tổ 4: Đại sư Đạo Tín:

Đại sư Đạo Tín thị tịch trong năm này. Sư họ Tư Mã, quê ở Hà Nội, sau dời về Kỳ châu. Vừa mới sinh vốn đã là con người siêu dị. Thuở nhỏ sư đã mến mộ Không Tông cùng các pháp môn giải thoát khác, dường như đã tu tập nhiều đời. Đến khi truyền thừa ngôi vị tổ. Sư nhiếp tâm không nằm, lưng chẳng dính chiếu, như thế đến sáu mươi năm.

Cuối niên hiệu Đại nghiệp nhà Tùy, Sư dẫn đồ chúng qua Kiết châu, gặp phải lúc bọn giặc cướp vây thành suốt bảy mươi ngày, muôn dân đều kinh hoàng. Sư thấy xót thương bèn dạy họ chí tâm niệm Ma-ha Bát-nhã. Quả nhiên bọn giặc nhìn lên tường thành thấy có thần binh, bèn bảo nhau:

- Trong thành ắt có dị nhân.

Thế rồi giặc rút đi.

Trong niên hiệu Vũ Đức, Sư bắt đầu ở tại núi Phá Đầu, học chúng đông vô kể. Một hôm, trong huyện Hoàng Mai, Sư gặp một đứa bé khôi ngô tuấn tú, Sư bèn hỏi:

- Con họ gì?

- Họ thì có nhưng không phải họ thường.

- Thế thì họ gì?

- Là họ Phật.

- Con không có họ sao?

- Vì họ ấy vốn không.

Sư im lặng vì biết đây là bậc pháp khí, bèn sai thị giả tìm đến mẹ đưa bé xin cho nó xuất gia. Mẹ đưa bé này cho rằng do có túc duyên nên đồng ý ngay. Sư xuất gia cho đứa bé và đặt tên là Hoàng Nhẫn.

Sau, Sư gọi Hoàng Nhẫn đến truyền y phó pháp và nói kệ:

*Giống hoa có tánh sinh
Từ đất hoa nảy mầm
Duyên lớn hợp với tín
Ngay sinh, sinh chẳng sinh.*

Rồi Sư đem đồ chúng ủy thác cho Hoàng Nhẫn. Một hôm sư nói với chúng:

- Ta từng qua Lô sơn, lên tận đỉnh nhìn qua Phá Đầu sơn thấy mây tía trùm phủ như tầng lọng, phía dưới có luồng khói trắng phân thành sáu đường, các ông hiểu không?

Đại chúng đều im lặng, Đại sư Hoàng Nhẫn thưa:

- Có phải con cháu Hòa thượng sau này chia ra một nhánh Phật pháp nữa không?

Sư nói:

- Hay lắm.

Cuối niên Trinh Quán, Đường Thái Tông ngưỡng mộ đạo hạnh của Sư, muốn được thấy nghi dung của Sư, bèn hạ chiếu thỉnh Sư vào Kinh sư, nhưng Sư dâng biểu từ chối. Chiếu đến ba lần nhưng Sư đều lấy cớ bệnh tật từ chối. Đến lần thứ tư, vua dặn sứ giả:

- Nếu Sư không đến hãy lấy thủ cấp đem về.

Sứ giả đến đọc chiếu dụ xong, Sư liền ngựa cổ cho chém mà thân sắc chẳng thay đổi. Sứ giả lấy làm lạ bèn về triều bẩm báo. Vua nghe, lại càng kính phục, bèn gửi gắm lụa đến cúng dường để tỏ lòng kính ngưỡng của mình. Lúc ấy sư bỗng dạy môn nhân rằng:

- Tất cả các pháp đều là giải thoát, các ông phải tự giữ gìn rồi giáo hóa đời sau.

Nói xong sư ngồi kiết già an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tháp cũng ở ngay núi này. Mồng tám tháng tư năm sau, cửa tháp bỗng nhiên mở toang, nghi dung của sư tươi tỉnh như người còn sống. Từ đó về sau môn nhân không dám đóng cửa tháp. Đời Tống, vua truy phong sư hiệu là Đại Y Thiên sư.

3. Vua ban sắc lệnh dựng tháp tại Đại Từ Ân: (Nhân Tý)

Năm thứ hai mươi hai, Thái Tông ngự tại Xuân cung. Hôm ấy trời

âm u, vua thấy đau ở lòng bàn tay, bèn hỏi tả hữu, tả hữu đáp:

- Ứng với điềm trước đây Thái tử cũng đau như thế này, liền nghĩ đến báo đáp trời xanh, gây trồng phước nghiệp. Thái tử liền sai hữu ty chọn đất và dựng chùa Từ Ân để cầu phước cho mẹ là Văn Đức Thuận Thánh Hoàng hậu. Chùa này gồm hơn mười viện, một ngàn tám trăm chín mươi bảy gian, độ hơn ba trăm Tăng, sắc phong Tam tạng Huyền Trang làm tòa chủ. Những việc thịnh trị đều có ghi đủ trong bia.

Niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ ba, vua lấy vật dụng gấm lụa, của cải trong bầy cung của những Hoàng hậu đã mất rồi dựng tháp ở chùa Từ Ân. Nên tháp vuông vức bốn mặt, mỗi mặt rộng một trăm bốn mươi thước theo mô thức tháp như Tây Vực, cao năm tầng và một biểu tượng bánh xe pháp lộ thiên tròn, cao một trăm tám mươi thước. Trong mỗi tầng đều an trí xá-lợi, có đến cả vạn hạt. Tầng trên cùng vua lấy đá dựng thành gian nhà quay mặt về Nam và dựng bia ở đó. Trong bia ghi lại hai bài tựa trong Tam tạng Thánh giáo do hai vua trước soạn do Thượng thư hữu bộc xạ Hà Nam Công và Chử Toại Lương viết.

Theo pháp chế của Tây Vực, tháp là phần mộ vuông vức phân làm bốn hạng. Luân vương tháp cao một tầng, Thanh văn cao bốn tầng, Độc giác cao mười hai tầng, Bồ-tát Như Lai cao mười ba tầng. Mỗi tháp đều nêu rất rõ.

4. Thiên sư Tuệ Khoan và chị là Tín Tương: (Quý Sứ)

Năm thứ tư, Thiên sư Tuệ Khoan tịch. Sư họ Dương, cha làm Đạo sĩ hiệu là Tam Động tiên sinh. Chị sư là Tín Tương sinh ra đã biết đạo, trọn ngày bà cứ tĩnh tọa thiền quán. Lúc năm, sáu tuổi sư thường cùng chị đàm luận toàn chuyện xuất thế. Gia thế sư theo Đạo, chỉ riêng sư không ưa. Cha sư ép lạy Thiên tôn, Sư bất đắc dĩ quỳ xuống, tượng thiên tôn bằng sắt bỗng nhiên gãy đổ. Cả tộc đều kinh hoàng, nhân đó họ ghi lại những cuộc đàm luận của Sư và người chị.

Trước đây, Thiên sư Đàm Tướng ở chùa Long Hoà trước khi lâm chung dặn đệ tử là Hội rằng:

- Duyên chưa hết, ta sẽ thác sinh trong nhà họ Dương ở Miên trúc, Quảng Hán. Bảy năm sau ông đến đó gặp ta.

Đàm Tướng nói xong thì mất. Sau đó Hội cũng quên bằng việc đó. Đêm nọ, Hội mộng thấy Đàm Tướng trách mình bội ước, Hội thất kinh tỉnh mộng liền đến đỉnh ngọn Miên Trúc gõ cửa nhà họ Dương. Nghe gõ cửa, Khoan hỏi:

- Ai gõ cửa thế?

Hội liền đáp:

- Là con, Hội đây.

Khoan cười hỏi:

- Sao ông biết là ta mà xưng con?

Hội đáp:

- Nghe giọng của thầy chẳng khác gì ngày xưa.

Thế rồi Khoan cho Hội vào gặp. Cha của Khoan bèn đem những gì mình ghi chép được khi sư và Tín Tương đàm luận đưa cho Hội xem, thì ra đó là Đại Trang Nghiêm luận... Hội liền thỉnh Khoan về lại chùa Long Hoà và thế phát. Từ đó những việc thần dị của sư ngày càng thấy rõ, người ta tôn xưng ngài là Thánh Hòa thượng.

Người chị của sư là Tín Tương cũng xuất gia luôn. Lần nọ, có một dị Tăng nhập định trong chùa Tịnh tuệ, cả ngôi chùa lửa hồng sáng rực, mà chẳng người nào biết do đâu. Tín Tương nói:

- Đó là Tôn giả Hỏa Tự nhập Hỏa quang Tam-muội.

Nhân đó bà vào chùa nhập Thủy quán Tam-muội, cả chùa bỗng ngưng thành nước trong suốt, chỉ thấy nước mà chẳng thấy người. Dị Tăng khâm phục cho rằng bà đã chứng quả. Thời bấy giờ người ta tôn xưng bà là Thánh Ni.

Tuệ Khoan mười đời làm đại Tăng, nay là lần thác sinh thứ mười. Đế vương của nhiều triều ban thụy hiệu cho sư mỗi đời mỗi khác.

5. Tăng ở Thiên Trúc gửi thư cho ngài Huyền Trang:

Giáp Dần: Trong năm thứ năm, chùa Ma-ha Bồ-đề ở Thiên Trúc sai Tăng đem thư và phẩm vật sang cúng dường ngài Huyền Trang. Trong thư viết:

“Trụ trì chùa Ma-ha Bồ-đề cùng chư vị đa văn kính nhiều quanh tòa kim cương của Đức Thế Tôn Kiết Tường vi diệu. Thượng tòa Tuệ Thiên tôi kính thư đến Mộc-xoa A-giá-lợi-da, người thấu tận diệu nghĩa của vô Lượng Kinh Luật luận tại nước Ma-ha Chi-na, kính vấn ngài ít bệnh ít nã. Tỳ-kheo Tuệ Thiên tôi đã tìm được những bài tán tụng về đại thần biến của Phật và các bộ kinh luận khác, nhờ Tỳ-kheo Pháp Trường mang qua, cúng dường cho Vô Lượng Đa Văn Trưởng lão Đại đức A-giá-lợi-da.

Đại sư Trí Quang cũng gửi lời vấn an ngài. Ưu-bà-tắc Nhật Thọ xin dâng đầu danh lễ, gửi cúng ngài một đôi Bạch điệp (vải bằng tơ trắng) để tỏ lòng nhớ mong ngài. Đường xá xa xôi không thể mang nhiều, mong ngài nạp thọ. Ngài cần những kinh luận gì thì ghi tên ra gửi qua

đây, tôi sẽ sao chép gửi qua cho ngài, mong Mộc-xoa A-giá lợi da liễu tri”.

Khi Pháp Trường cáo từ trở về, Huyền Trang gửi thư phúc đáp cho Trưởng lão Trí Quang. Thư nói:

“Năm trước tôi đi sứ về, nghe tin Đại sư Chánh Pháp Tạng vô thường, lòng tôi thương kính, nhớ tiếc khôn nguôi. Than ôi! Thuyền trong biển khổ đã chìm, mắt của trời người đã nhắm. Nỗi đau xé lòng không sao nói hết.

Xưa bậc Đại giác thâm thân, tổ Ca-diếp nối tiếp dòng Thánh. Tổ Thương Na quy tịch có Tôn giả Cúc-đa kế tiếp xiển dương diệu nghĩa. Ngày nay Pháp sư kế thế gánh trách nhiệm này. Ngưỡng mong với tài văn chương biện bác tuyệt vời của ngài sẽ làm cho dòng pháp chảy tràn khắp bốn biển. Phước trí trang nghiêm mãi trường tồn như năm núi. Trang tôi đã dịch được Du-già Sư Địa luận... Cả thầy hơn ba mươi bộ, ngay hôm đó thiên tử Đại Đường là bậc thánh muôn phước đứng đầu muôn dân, đã dùng cái nhân từ của Luân vương khai mở đạo mầu Phật pháp, và những bộ Kinh Luan tôi đã dịch, được thiên tử viết cho lời tựa, rồi lệnh cho quan lại sao chép lưu hành khắp nước. Những quốc gia lân cận cũng đều làm như vậy. Dù ở cuối thời Tượng pháp, nhưng giáo pháp vẫn bừng bừng tỏ rạng, chẳng khác nào trong Thất-la-phiệt trong rừng Thệ-đa.

Cúi mong Đại sư liễu tri, lần ấy lúc về, khi qua sông làm mất một hòm kinh, nay xin kể tên ra đây, lúc nào thuận tiện mong Đại sư gửi qua cho. Đồng thời tôi xin gửi cúng dường ngài một số phẩm vật, mong ngài thọ nhận”.

Trong năm này, vua đặc biệt xuống chiếu chỉ, độ Sa-di Khuy Cơ làm Đại tăng, cho vào chùa Đại Từ Ân, cùng tham gia dịch kinh chỉnh nghĩa. Ngài họ Uất Trì, quê ở Đại quận, là cháu của Ngọc quốc công Kính Đức, con của Hữu Kim Ngô vệ tướng quân Kính Tông. Mẹ ngài họ Bùi, lúc bà mang thai, thấy mình cầm mặt trăng và nuốt, nhân đó mang thai ngài. Đêm ngài chào đời, ánh sáng lạ chiếu sáng cả nhà. Lúc sáu tuổi ngài đã biết viết sách. Hồi ấy, Pháp sư Huyền Trang từ Tây Vực về có dẫn theo một đứa bé trông rất khôi ngô tuấn tú, nhân đó dẫn thẳng đến chỗ Kính Tông, Kính Tông bèn gọi ngài ra chào hỏi. Huyền Trang bảo ngài hãy đọc lại bình thư mà ngài đã soạn, có đến mấy ngàn lời. Lúc ấy Huyền Trang đưa mắt nhìn đứa bé. Đến khi ngài đọc xong, Huyền Trang vỡ nghi hoặc ngài bèn nói:

- Đó là cổ thư mà thôi.

Kính Tông không tin, Huyền Trang bèn sai đưa bé Tây Vực đọc lại, đưa bé đọc chẳng sai một chữ, Kính Tông nổi giận, cho rằng ngài ăn cắp cổ thư, đáng tội chết không thể tha. Huyền Trang bèn xin cho ngài xuất gia. Ngài nói:

- Cho tôi ăn bữa cơm thịnh soạn của vua quan lần cuối, thì tôi xuất gia, bằng không tôi sẽ chết dưới lưỡi kiếm chứ không chịu chết đói.

Huyền Trang mền chí khí của ngài nên đồng ý. Sau đó ngài xuất gia, những bộ sớ ký ngài đọc qua một lần là nhớ vanh vách, hiểu ngay được nghĩa lý. Ngài rất giỏi về Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Về sau được tham gia dịch kinh, theo ngài Huyền Trang học tông chỉ của Du già, Duy Thức. Ngài viết có đến trăm bộ luận. Thời bấy giờ người gọi ngài là Bách Bản Luận sư. Bản tánh của ngài hay hào kiệt, rộng rãi, khi đi thường dùng ba cỗ xe, nhân đó người ta cũng gọi ngài là Tam Xa Pháp sư.

6. Pháp sư Tuệ Lập bác bỏ luận của Lã Tài. (Kỷ Mão)

Tháng năm năm thứ sáu, Pháp sư Huyền Trang dịch xong Nhân Minh luận, Sa-môn Thần Thái... tạo nghĩa sớ nhằm giải thích rõ thêm. Pháp sư Thê Huyền đem bộ luận này cho Thượng Dực Phụng Ngự Lã Tài xem. Tài là người có tay nghề cao, nên phần nhiều chê bộ luận, bèn soạn Nhân Minh Chú giải Phú Nghĩa Đồ. Những người cạm cọt thì tin Lã Tài, cho rằng Tài lập luận đúng.

Tháng bảy, dịch kinh Pháp sư là Tuệ Lập gửi thư cho Tả bộc xạ Vu Chí Ninh và vạch trần sai lầm của Tài. Trong đó viết:

“Tôi nghe chư Phật lập giáo, lời văn thâm sâu, nghĩa lý u huyền, bao la như trời cao, mệnh mông như biển cả. Bàn về tánh tướng của chân như thì hàng Thập địa vẫn còn mù mờ, nói về nhân duyên của loài cỏ dại, thì người chứng vô sinh vẫn còn chưa biết, huống gì những kẻ còn bị trói chặt trong lưới Bát tà, còn bị trầm luân trong dòng Tứ đảo, mà lại muốn nghiên cứu đến Nhân, Tông, biện luận nêu tỏ lý này e rằng quá nhầm lẫn vậy.

Từng thấy Đại sư dịch kinh Tuệ Cơ tại chùa Đại Từ Ân vốn là người có trí lực từ lâu tu hành thanh tịnh. Ngài nắm rõ tánh của ngọc khuê ngọc chương, biết rõ tánh của cây tùng cây bách, đích thân qua đất thánh tìm học những lời nhiệm mầu này, gói Tam tạng trong lồng ngực, nắm Tứ Hàm trong lòng bàn tay, nối tiếp thanh quy của những tiền nhân, phát huy quỹ phạm cho hậu học. Ngài quả thật là tàu thuyền của thế tục, là gương sáng trong rừng thiền. Những Thánh giáo mà ngài

đã dịch đến hơn ba trăm tập. Trong đó có bộ luận nhỏ là Nhân Minh. Nội dung bản luận tuyên thuyết chỉ quy của vấn nạn, nêu bày cách thức xô tà. Dù chưa phải là yếu diệu của huyền môn, nhưng không phải là cái thấy biết hỗn tạp.

Gần đây tôi nghe Thượng Dược Lã Phụng Ngự đem cái biết của người tầm thường hủy báng thuyết của những bậc cao minh, soạn Nhân Minh Đồ Thích Tông Nhân Minh Nghĩa. Nội dung vốn đã không chính xác lại dựng lập thêm những dị đoan hồ đồ tìm thấy thanh danh, xuyên tạc một cách sai lầm, bài xích chánh thuyết của bậc Cao đức, đề cao tâm ngã mạn của mình, tự khoe khoang trước công khanh, khoác lác trong làng xóm mà chẳng biết hổ thẹn, chẳng từ mệt nhọc. Nhiều lần thay đổi cái nóng lạnh mà tâm vẫn chưa thỏa nên Phụng Ngự lấy việc làm nhỏ nhoi của thế tục rồi cho mình là người thấu rõ chân tông, thì có khác gì con chuột nhắt thấy cái chõ nung leo lên được rồi cho rằng sóng cả bơi qua không khó, khác gì con ngao, con nhện thấy rừng gai dễ đi quanh rồi cho rằng có thể đi khắp cả ngàn dâu. Nếu không lượng được bến bờ thì có khác gì đây đâu. Huống gì kẻ nói to phải làm như vẻ lí nhí, kẻ biện luận giỏi phải làm như ấp úng. Vì thế mà ngài Tịnh Danh không mở miệng ở thành Tỳ-da, Ni phủ đức cao nên thật thà trong Hương Đăng, chứ chưa từng nghe kẻ tự kiêu ngạo khoe khoang mà được kẻ sĩ đề cao tín ngưỡng”.

Khi Tuệ Lập gửi thư này thì mọi việc có phần lắng xuống.

Tháng mười mùa đông, Thái Thường bác sĩ Liễu Tuyên thấy sự việc lắng xuống bèn viết thư gửi kệp cho các vị Đại đức dịch kinh mong giải quyết xong việc này. Bấy giờ Pháp sư Minh Tuấn cũng trả lời lại bằng thư và kệp, lời lẽ hết sức tôn nghiêm để răn dạy Lã Tài phỉ báng bậy bạ. Liễu Tuyên nhận được thư liền hạch tội của Lã Tài rồi bẩm báo lên vua. Vua hạ chiếu chỉ triệu tập công khanh học sĩ dẫn Tài đến chùa Từ Ân tạ lỗi và nghe Pháp sư chỉ dạy. Nghe xong Tài lạy tạ rồi ra về.

7. Lập ra quan giám hộ cho việc phiên dịch kinh điển:

Bính Thìn: Đối niên hiệu Hiển Khánh. Tháng giêng, lập Vương Hoàng làm Hoàng Thái tử. Ngày Bính Dần thiết trai hội tại chùa Từ Ân cúng dường năm ngàn Tăng, vua sai Hoàng môn Thị lang Tiết Nguyên Siêu đứng ra lo liệu. Nhân đó Siêu hỏi Pháp sư Huyền Trang về cách thức dịch kinh của những triều đại trước thế nào. Ngài đáp:

- Thời Hán Ngụy quá xa không thể rõ được, còn từ Tấn, Tống trở lại đây việc dịch kinh đều có các quan giám duyệt, chỉnh sửa. Vì vậy

thời Phù Kiên, ngài Đàm-ma-nan-đề dịch kinh có Hoàng môn Triệu Chính chấp bút. Thời Diêu Hưng, ngài Cửu-ma-la-thập dịch thì có Hưng và Diêu Tung chấp bút. Thời Hậu Ngụy, ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch có Thị trung Thôi Quang chấp bút. Đến đời Lương, Trần, Chu, Tùy cũng đều như vậy. Trong niên hiệu Trinh Quán ngài Ba-phả-na-la dịch kinh, tiên đế cử Triệu Quận Vương Hiếu Cung, Đảm Sự Đổ Chánh Luân làm giám hộ. Còn như nay, đặc biệt thiếu chức quan này. Hơn nữa chùa Đại Từ Ân là ngôi chùa trang nghiêm, rộng lớn, đồ sộ xưa nay ít có, nhưng vẫn chưa dựng bia. Bần đạo lo nghĩ mãi đến hai việc đó, xin ngài bẩm báo Hoàng thượng.

Nguyên Siêu bẩm báo vua, vua đồng ý cho tiến hành.

8. Vua viết văn bia trong chùa Đại Từ Ân:

Ngày Nhâm Thân trong tháng này, vua triệu tập quần thần, sai Trung Thư Lệnh Thôi Đôn Lễ tuyên chiếu rằng:

“Pháp sư Huyền Trang ở chùa Đại Từ Ân phiên dịch Kinh Luận văn nghĩa rất tinh tường, nay lệnh cho tả bộc xạ Vu Chí Ninh, Lại bộ thượng thư Lai Tế, Lễ bộ thượng thư Hứa Kính Tông, Hoàng môn thị lang Tiết Nguyên Siêu, Trung thư thị lang Lý Nghĩa Phủ, Đổ Chánh Luân, đồng xem xét. Nếu chỗ nào không ổn, thì tùy theo đó mà nhuận sắc.

Bãi triều, vua sai Nội cấp sự Vương Quân Đức đến báo với Pháp sư Huyền Trang:

“Thánh thượng phái người trợ giúp cho việc dịch kinh, đã phân việc hết cho những người như Vu Chí Ninh... Còn văn bia trong chùa Đại Từ Ân, Hoàng thượng sẽ đích thân viết. Ý Pháp sư thế nào xin đến để bẩm báo”.

Huyền Trang phụng chỉ, liền dẫn chúng Tăng vào triều dâng biểu trần tình. Sau đó không lâu, Cao Tông đã tự tay soạn xong văn bia, sai Trường Tôn Vô Kỵ đưa cho công khanh xem. Trong ấy nói:

“Từng nghe trước khi trời đất hình thành, trước lúc vạn vật sinh sôi, thì đất dày chuyên chở mọi loài, trời cao che chở muôn vật. Thế nhưng Nhị diệu chói lòa đầu thế lưỡng được, muôn vật đầy ấp, bốn bề nổi liền, lẽ đâu thấu được cái tận cùng của sóng cả. Hướng gì pháp môn rộng rang, vắng lặng ra đời trước cái bất diệt, quỹ phạm của Thánh giáo vượt ngoài cái hữu hình vô hình. Thế nên đạo ngời sáng nhiều kiếp, hóa hợp với sinh linh. Khởi nguồn từ vương cung, bước đi trên hoa sen, thần quang ngời sáng. Diễn đức âm ở Lộc uyển, hội đại sĩ nơi long

cung, chỉ bày phước tội cho quần sinh, mở lối sinh diệt cho nhân loại, hay làm cho kẻ phàm ngu ôm mối đạo. Bản thân ngài phối xương nơi rừng lạnh được bậc hiền triết khâm ngưỡng, xả thân cầu đạo nơi Tuyết sơn để khai thông dòng pháp, làm lạnh nhà lửa, diệt trừ nóng bức. Mặt trời trí tuệ lên cao biến bóng tối ngàn đời thành sáng rõ. Trước đây trăm xem qua sử sách, nghiền ngẫm đạo nghĩa, việc trồng phước trong vịnh kiếp đầu chỉ riêng gì Phật giáo. Văn Đức Hoàng thái hậu nhờ cây Kha quỳnh mà phước thông đến tuổi vàng. Đức sáng đến Đồ sơn, đạo soi đến Quy nhứt, nét son lưu truyền rạng rỡ đến tám phương, buông giáo huấn trong cung sơn, mở tinh hoa trong muôn thuở. Nhờ đó mà mặt trời tỏa rạng lán cả trăng sao, mãi tụ điểm lành, đất liền một dải muôn vật sinh sôi. Nâng hộp sơn mà tăng nguồn cảm, nhìn núi cao mà bước đi xa. Trọng Do ta thán với chức quan ngàn học, Ngu Khâu nuối tiếc vì ba lối lớn. Ngôi vua của trăm thật suông sẻ từ đầu đến cuối nên ghi lại hoài bão trong lòng, dựng lập ngay đất vàng này. Lại ngược với Bân, Giao, trồng cây vải trong ngàn trang trại; lại đến Chung, Nhạc dựng đài sen trên núi cao trăm nhận. Bên trái nhìn tám sông, tiếp giáp sông ngòi mà phân ranh giới, bên phải nói liền chín đường lớn bay bổng lên tiếp giáp với mây trời, trùm khắp đất mầu của thiên phủ, bao quát đất lành của Thượng kinh. Dấu tích vàng son lan tận miền xa, lầu các đền đài vượt lên cao vút. Lồng lộng ngút ngàn, rọi soi nhật cung sáng rõ; trắng trong sáng sạch chiếu soi nguyệt điện chói lòa. Hương thơm vượt hẳn hoa lan, rực rỡ ngang hàng ngọc tía, phảng phất hương quế khắp núi non, ngan ngát vị ngọt khắp làng mạc. Đèn đuốc sáng rực nơi phồn hoa, ngọn lửa nâng cao chí thanh cao trong lòng; tràng phan treo khắp Bảo sát, tơ lụa vây quanh, sắc màu rực rỡ ngoài trời; đua nhau lên bệ rồng, ngâm văn chương mà gởi ngọc, nhẹ nhàng cuốn rèm, phủ sắc điện mà kết châu, rực rỡ tựa ráng chiều dưới chân núi, biếc xanh như sương khói trên ao đầm. Tiếng ngọc hợp vận với Tiêu, Chung; hòa khí phân âm cùng Chấn, Phạn; lễ đầu thấy hương thơm ở Tiêu cung lại hổ thẹn với phồn hoa mỹ lệ, thấy gió hiu hiu ở cửa Tiên lại thẹn với văn vẻ mỹ miều.

Pháp sư Huyền Trang thật là bậc kỳ tài trong Phật pháp. Ngài thâm hiểu sâu xa như gió thơm thổi mát rừng tùng, với trí năng siêu việt như ráng chiều nhuộm đỏ nơi xa. Trí xét cổ soi kim chấn động cả nhân sinh, sự khẩn thiết trong lòng cống hiến cho hậu học. Ngài là con người siêu xuất cả thời đại, thấy suốt cổ kim, danh thơm ngàn đời, đem ánh sáng của Đồ Trưng, La-thập làm thuần phong để thay cổ đổi kim. Ngài thương những kẻ mê mờ trong đêm dài, đau xót những lý mầu mãi bị

che lấp, nên một mình qua xứ khác học khắp lý huyền. Ngài ra khỏi đất Hán, chốn tích khắp núi sông, vượt qua biển lớn, đạp cả sóng to, chịu đủ gió sương, vượt bao hiểm nạn. Một mình nơi đất khách, chỉ một chiếc y tránh gió nơi Tuyết lãnh, dải dầu nơi đồng hoang phải chịu đói khát nơi sa mạc. Đường xa thăm thẳm, bóng trăng soi tỏ chẳng có hai người, vượt qua núi cao, đến sáng ra mới hay chỉ một mình. Ngài thấu tận diệu cảnh, nghiền ngẫm chí chân, đặt tâm trong cửa huyền, soi cùng đến diệu lý. Thông suốt những điều mà người xưa chưa tỏ, thấu tận những gì mà người trước chưa nghe. Thế rồi ngài tìm cầu được kinh luận đem về nước, tiếp nối Thánh giáo đã dứt, đem những lời kệ nhiệm mầu ở Tây Thiên về bổ khuyết Thánh giáo trong nước. Lúc bấy giờ ngài để mắt trong nền linh, đặt tâm trong đất vàng, hoàng dương diệu nghĩa, hoa lá lại sum suê ở Kỳ lâm; rộng mở lý mầu sóng nước lại lắng trong nơi định thủy. Trăm chí thành đặt tâm trong Bát chánh đạo, cung kính để chí trong Song lâm, là mong duy trì được phước vận, làm phước nơi cõi âm. Nguyên cầu Hoàng thái hậu tiêu diêu trong sáu cõi trời, thân vân du trước cùng khuyết, dứt nghiệp ở bốn châu, thân hồn về nơi tịnh cảnh. Thương thay! Đuốc ngọc dễ đổi, theo bốn mùa lạnh nóng; tên vàng khó giữ giữa sáu thời đầy vơi. Trăm sợ rằng sóng đời đại thụ, biển biển xanh thành ruộng dâu. Địa thì có mà thế thì không, phá bờ cao thành hang trũng. Thế nên trăm kính khắc trên đá quý nhằm nêu cao việc thật.”

Ngày Canh Thân tháng ba, trăm quan dâng biểu tán dương ca tụng văn bia. Vua sai Lễ Bộ Thượng Thư Hứa Kính Tông đưa văn bia này cho Pháp sư Huyền Trang xem. Ngày Giáp Tý, ngài dẫn đồ chúng vào cung dâng biểu tạ rằng:

“Công lao tạo hóa nhờ gieo giống mà nảy mầm, đạo của Thánh nhân nhờ văn từ mà tỏ rõ. Thế nhưng họa ra Bát quái, buông lời giáo huấn vẫn bàn suông cái hữu hình trong vũ trụ, dựng hào phân tượng sự thật chưa vượt khỏi càn khôn. Đức của Phục Hy vẫn còn thơm trong tiền cổ, di phong của Cơ Hậu nổi bậc trong đời sau, lẽ đâu ngang hàng với công lao khai mở cho nhân loại ư. Xiển dương Bát chánh đạo để nêu tỏ tính hoa, chứng đắc Tam minh mà dẫn dắt thế tục. Lý vượt ngoài trời đất, tình thoát khỏi trời trăng. Nếu so sánh hơn kém, thì đây quả là thịnh rồi.

Ngưỡng mong bệ hạ phước tộ theo vận, bệ rồng theo thời, hòa hợp bốn châu, nhân trùm chín cõi, đạo vượt cả tiền thánh, công dày hơn thân tiên. Giả sử thần có khả năng giáo dưỡng được sinh linh thì cũng nhờ phước trời mà có. Bệ hạ thương nhớ Hoàng thái hậu mà lập đàn

tràng, dựng tràng phan mà diễn xướng kinh luật, chẳng khác nào hoa trời buông xuống, văn sáng dâng lên, ngâm biển bút mà cai quát Long cung, đề rừng văn bao trùm Hạc thọ. Trong thì gồm thâu Bát tạng, ngoài thì trùm khắp Lục kinh. Sâu xa mà lại chính yếu, rộng lớn mà lại uyên thâm, khiến cho di tích ở Kỳ viên nhờ ý nghĩa quý báu mà càng cao, dư hương nơi Nại uyển nhờ ngôn từ châu mà bất hủ. Lẽ đâu chỉ có khen chê cảnh mộng, phân tỏ đường mê, hạn hẹp trong tứ thiên, gò bó trong tam giới thôi sao.”

Huyền Trang nghĩ văn bia phải tự tay nhà vua viết nên ngài dâng biểu xin vua hạ bút. Lúc đầu vua không đáp ứng. Ngài xin tiếp, cuối cùng vua đồng ý.

Ngày tám tháng tư Huyền Trang dẫn hết Tăng Ni trong kinh thành, sắc đu tràng phan, bảo cái, xe báu, hương hoa theo nghi thức Tây Thiên đến Phương lâm môn nghênh đón bài bia do vua chế tác. Vua sai cử nhạc Thái thường, nhạc của hai huyện Trường An, Vạn Niên cùng những công thần vương hầu thân thích đến nghênh đón. Hôm ấy trời mưa tầm tã. Đến ngày mười bốn mới nghênh đón được bia vào chùa.

Trong Cựu Sử Bản Kỷ ghi:

“Vua ngự ở lầu An Phước xem, Pháp sư Huyền Trang dùng nghi thức Thiên Trúc nghinh đón Ngự bia vào chùa Đại Từ Ân, đồ chúng nghênh đón đông vô kể. Vua nhìn thấy vô cùng vui mừng.

9. Pháp sư Huyền Trang cáo bệnh:

Tháng năm, Pháp sư Huyền Trang bị bệnh. Vua ra lệnh cho Thượng Dược Phụng Ngự Tướng Hiếu Chương, Châm Y Thượng Quan Tông đặc trách xem bệnh. Lại sai sứ giả ở Bắc môn xem tình hình thế nào rồi báo cho vua biết.

Nhân đó, ngài trình bày việc tiên triều sắp xếp danh vị của Phật giáo đứng dưới Đạo giáo, và những năm cuối đời tiên đế có hứa sẽ sửa đổi lại. Thêm vào đó, đầu năm Vĩnh Huy vua ban sắc lệnh với những Tăng Ni phạm tội thật khó tha thì xử như thế tục. Ngài lo bệnh tật của mình sẽ mãi mãi không còn gặp mặt vua.

Phụ nội sứ nghe vậy bầm báo, hôm ấy vua liền sai sứ đến báo:

“Những việc ngài trình bày như danh vị Phật giáo sau Đạo giáo của tiên triều sẽ điều chỉnh lại, còn việc xử Tăng Ni đồng với thế tục sẽ bỏ ngay. Thầy nên yên tâm dưỡng bệnh”.

Nghe vậy bệnh ngài liền hết.

Tháng mười một, Thiên hậu lâm bồn, vua mời ngài vào cung cầu

phước. Sau khi sinh xong, ánh sáng thần kỳ sáng rực cả cung, từ dưới sân đình chiếu thẳng lên bầu trời, nhân đó đặt tên cho đứa bé ấy là Phật Quang Vương (tức Trung Tông). Hồi ấy có lần vua nói với ngài: Nếu sinh được con trai sẽ cho xuất gia. Đến lúc này ngài dâng biểu xin vua hứa khả, cho Phật Quang Vương xuất gia để tiếp nối Tam bảo. Vua đồng ý.

10. Vua xuống chiếu phân định Phật giáo, Đạo giáo:

Đình Ty: Tháng hai vua xa giá đến Lạc Dương, xuống chiếu thỉnh Huyền Trang hộ giá. Tháng năm, ngài từ già vua trở về Trần Lưu để cải táng cha mẹ. Vua ra lệnh cho hữu ty cấp cho ngài vật dụng antáng. Tháng sáu vua mời Pháp sư Tuệ Lập cùng Đạo sĩ Trương Tuệ vào cung để phân định giáo nào trước giáo nào sau. Đại thần đến chứng giám, lễ nghi đứng trước của Trương Tuệ bị bãi bỏ.

11. Thiền sư Pháp Dung ở núi Ngưu đầu:

Sư họ Vi quê ở Đình Lăng, Nhuận Châu. Năm mười chín tuổi, Sư học thông kinh sử, sau đó xem bộ Đại Bát-nhã mà thấu đạt lý chân không. Một hôm sư than: “Đạo Nho sánh đời chẳng phải là pháp cứu cánh, Bát-nhã chánh quán mới là thuyền bè xuất thế”.

Sư liền đến Mao sơn theo thầy xuất gia, sau vào tu trong động đá phía Bắc chùa U Thê trên núi Ngưu đầu. Khi ấy chim chóc tha hoa đến cúng dường sư.

Trong niên hiệu Trinh Quán, Tứ tổ Đạo Tín thấy núi này có khí tượng biết trong núi có bậc kỳ dị bèn đích thân đến tìm. Tổ vào chùa hỏi chư Tăng:

- Trong chùa có Đạo nhân không?

Tăng đáp:

- Hễ là người xuất gia ai chẳng phải là Đạo nhân.

Tổ hỏi:

- Người nào là Đạo nhân?

Tăng không trả lời được. Có vị Tăng khác nói:

- Cách núi này hơn mười dặm có Tăng Pháp Dung lười biếng thấy người chẳng đứng dậy chào, chẳng biết có phải là Đạo nhân không.

Tổ liền vào núi, thấy sư ngồi thiền trên tảng đá dường như chẳng để ý đến ai.

Tổ hỏi:

- Ông làm gì ở đây?

Sư đáp:

- Quán tâm.

- Quán là người nào? Tâm là vật gì?

Sư không đáp được liền đứng dậy hỏi:

- Thầy từ đâu đến, từng gặp Đại sư Đạo Tín chưa?

Tổ đáp:

- Chính là bản đạo.

Pháp Dung lạy tổ và xin tổ khai thị tâm pháp. Tổ dạy:

- Phàm trăm ngàn pháp môn đồng quy về tâm. Diệu đức như hà sa đều ở nơi nguồn tâm. Tất cả cửa ngõ giới định tuệ, thần thông biến hóa thấy đều đầy đủ, chẳng lia tâm ông. Tất cả phiền não nghiệp chướng vốn tự rỗng rang vắng lặng. Tất cả nhân quả đều như mộng huyễn. Không có ba cõi để ra, không có Bồ-đề để chứng. Nhân cùng phi nhân tánh đều bình đẳng. Đại đạo rộng lớn thênh thang dứt bật suy nghĩ. Pháp như thế này, nay ông đã chứng đắc, không hề khuyết thiếu, khác gì với Phật. Ông nên mặc tâm tự tại, chớ khởi quán hạnh, cũng đừng dứt tâm, chớ khởi tham sân, cũng đừng ôm lòng sầu muộn, thênh thang vô ngại, mặc ý ngang dọc, chẳng làm việc thiện, chẳng tạo việc ác, đi đứng nằm ngồi, mắt gặp muôn duyên thấy đều là diệu dụng của Phật, an lạc không lo buồn nên gọi là Đạo.

Sư hỏi:

- Tâm đã đầy đủ thì ai là Phật? Ai là tâm?

Tổ đáp:

- Chẳng phải tâm thì không hỏi Phật, đã hỏi Phật thì đều là tâm.

- Không cho khởi quán hạnh, ngay lúc cảnh khởi làm sao đối trị?

- Cảnh duyên không có tốt xấu, tốt xấu do tâm khởi, nếu tâm chẳng chạy theo tốt xấu thì vọng tình từ đâu khởi? Vọng tình đã không khởi, thì chân tâm tự tại biết khắp. Chỉ cần ông tùy tâm tự tại thì lo gì đối trị không được. Đó gọi là Pháp thân thường trụ chẳng hề biến đổi. Ta nhận pháp môn đốn giáo này từ Đại sư Tăng Xán, nay truyền trao cho ông. Ông nghe kỹ lời ta, nên trụ tại núi này, sẽ có năm đại sĩ đến nối tiếp ông giáo hóa.

Tổ truyền pháp cho sư xong liền trở về Phá Đầu sơn. Ngày hai mươi ba tháng giêng nhuận, năm Hiển Khánh thứ hai, Sư thị tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp bốn mươi mốt, an táng tại núi Khê lung. Hôm ấy có đến hơn vạn người tống tiễn kim quan sư.

12 Tiến cử Tăng, Đạo cùng luận nghị: (Mậu Ngọ)

Tháng tư vua triệu Tăng, Đạo mỗi bên mười bốn người vào cung luận nghị. Đạo sĩ Lý Vinh dùng Bốn Tể để lập nghĩa. Pháp sư Nghĩa Bao bèn hỏi:

- Ông nêu Bốn Tể, là Đạo bốn ở trong Tể hay Tể bốn ở trong Đạo?

Vinh đáp:

- Đều được.

Bao hỏi:

- Nếu Đạo bốn ở trong Tể thì Tể là Đạo bốn, vậy thì khi Tể bốn ở trong Đạo thì Đạo là Tể nguyên phải không?

Vinh đáp:

- Cũng đều được cả.

Bao hỏi:

- Nếu Bốn Tể và Đạo tương phản nhau thì tự nhiên và Đạo cùng làm phép tắc cho nhau phải không?

Vinh đáp:

- Đạo theo cái Tự nhiên, Tự nhiên chẳng theo đạo.

Bao hỏi:

- Nếu vậy thì Đạo bốn ở trong Tể, thì Bốn tể không khởi nguyên từ Đạo rồi.

Thế là lập luận của Vinh rơi vào lỗi không vững. Vinh liền dùng lời khác giễu cợt Nghĩa Bao. Nghĩa Bao nghiêm sắc mặt nói:

- Lập luận trước Hoàng thượng là vạch rõ tà chánh để đáp ứng lòng thành của vua, lẽ đâu dùng lời lẽ bậy bạ khác làm hoen ố sự có mặt của vua ư? Vinh xấu hổ bái phục.

Vua tán thưởng Nghĩa Bao, cho Vinh lui ra rồi dẫn Hoàng Tích vào luận nghị tiếp với Nghĩa Bao. Đến tối thì bãi triều.

13. Pháp sư Huyền Trang dâng biểu xin về núi:

Năm này Pháp sư Huyền Trang dâng biểu xin lui về ở ẩn tại chùa Thiếu lâm ở Tung sơn để chuyên tâm dịch kinh. Vua xuống trác báo tin:

“Trẫm xem qua biểu tấu biết thầy muốn lui về ẩn cư chốn suối rừng. Noi theo dấu tích của Chi Độn, Tuệ Viễn mà dừng, để tâm nơi vắng lặng; làm theo quỹ phạm của Đồ Trưng, La-thập để rạn rở đời nay, kính ngưỡng di phong quy củ, đó là điều trẫm vô cùng kính chuộng. Trẫm vốn học Phật ít, thấy biết không cao sâu, nhưng theo cái thấy biết cạn cợt thì trẫm chưa từng thấy ai làm như vậy. Pháp sư dẫn dắt ba cõi,

hóa độ bốn loài, trí tâm sáng sạch, định ý vắng lặng, chẳng bị bụi của phàm tình ngăn che, lẽ đâu lại sợ sóng của tâm thức? An trụ ngay trong đạo đức, cần gì phải đến núi cao rừng rậm. Cái rỗng rang vắng lặng còn bỏ, lẽ đâu lại quyến luyến nơi thiếu thất quanh co. Mong rằng đọc những lời này mong thầy đừng xin đi nữa. Được như vậy thì triều đình đại an, chẳng những đáng quý đối với tiền hiền, kẻ thấy người nghe đều được lợi ích mà mới đáng là châu ngọc của thời nay”.

Huyền Trang dâng tấu phụng tạ. Đại lược nói:

“Xưa Quý Trọng được vua Ngụy lễ lạy nhưng chỉ trừng mắt bỏ đi, Tuệ Viễn xem thường thư của Tấn Hậu mà được chu cấp lúa gạo, chứ thần chưa nghe người vừa từ chối vua lại bỏ luôn cái vắng lặng rỗng rang. Bệ hạ dạy rằng triều đình đại an, đó đủ thấy nhân chủ đã thông chân suốt tục, việc làm thì có, sở chấp thì không. Bệ hạ siêu xuất hơn Hy, Hiên; vượt xa hơn Tào, Mã.”

Thời bấy giờ đạo đức của ngài Huyền Trang vang khắp thiên hạ. Vua có ý muốn cấm chỉ những kinh cũ, hoàng dương kinh mới dịch. Lúc đó Thiên sư Pháp Xung là người rất thông suốt tông chỉ của Lăng-già, lại là người được Phòng Lương Công rất kính trọng, nhân đó Thiên sư can ngài Huyền Trang rằng:

- Tôi nghe nhà vua muốn bỏ kinh cũ không cho Hoàng dương, điều này chưa thể được. Trước đây Pháp sư cũng nhờ những bộ kinh cũ này mà vào được đạo. Nay nếu bỏ cái cũ, chuộng cái mới, thì Pháp sư cũng phải trở lại như người chưa biết gì, rồi sau đó theo kinh mới này mà xuất gia, như vậy được chăng?

Huyền Trang nghe liền tỉnh ngộ và không xin đi nữa.

14 Lại tiến cử Tăng, Đạo cùng nghị luận: (Kỷ Mùi)

Năm thứ tư, vua lại triệu tập Tăng, Đạo tại cung Hợp Bích để nghị luận. Pháp sư Hội Ân lập nghĩa của Ngũ uẩn. Pháp sư Thần Thái lập nghĩa của Cửu Đoạn Tri. Đạo sĩ Lý Vinh, Hoàng Thọ chẳng hiểu được danh nghĩa, mờ mịt như đi trong biển mộng. Dù có đối đáp qua lại nhưng họ mang mang chẳng biết nơi quy thú. Vua sai Đạo sĩ lập nghĩa, khi ấy Lý Vinh lập nghĩa “Đạo sinh vạn vật”. Pháp sư Tuệ Lập nói:

- Ông lập nghĩa “Đạo sinh vạn vật” chưa rõ đạo này hữu tri hay vô tri?

Vinh đáp:

- Con người theo đất, đất theo trời, trời theo đạo. Đạo vốn là phép tắc của trời đất, lẽ đâu lại vô tri.

Lập hỏi:

- Nếu là hữu tri thì đúng ra phải sinh thiện thôi thế tại sao lại sinh ác. Thiện ác thăng trầm, đã sinh một cách hỗn tạp như vậy, rõ ràng Đạo là vô tri rồi? Tôi xin đưa ra một bằng chứng thế này: Như thời thượng cổ, lúc chưa mở mang sao không sinh sớm đi, để đến ngày nay, con cái của những bậc minh quân giáo dưỡng muôn dân ban cho họ vinh hoa, an lạc, mà trước do sinh những kẻ như Cung Công, Xi Vương, Kiệt, Trụ, U, Lệ tàn hại muôn dân? Trong hàng trung thần sao lại không sinh những hạng người như Tắc, Khế, Quỳ, Long, lại sinh những kẻ như Cận, Thượng, Tân, Mãn, siểm nịnh quốc quân khiến đất nước loạn lạc, nghiêng ngã. Trong loài chim sóc, sao không sinh những loài Kiết Tường như loan, phụng mà sinh những loài ác điều như cú, vọ? Trong loài thú sao không sinh kỳ lân, hoa lưu mà lại sinh sài lang, lợn, nhím? Đến như cỏ cây đẹp xấu cũng không đồng. Đã sinh hỗn loạn chẳng phân biệt tốt xấu, thiện ác thì rõ ràng đạo vô tri không thể sinh ra vạn vật. Như vậy làm sao cho rằng trời đất lấy đạo làm phép tắc rồi sinh ra muôn vật?

Theo giáo lý cùng lý tận tánh của Phật Thế Tôn thì trời đất vạn vật là nghiệp. Do nghiệp lực nên chúng sinh nhận lấy quả báo không đồng. Nếu thiện nghiệp thù thắng, đất bằng lưu ly, đường đi bằng vàng ròng, cây báu che bờ, lá ngọc phủ sân, cam lồ no đủ, kết y làm tòa. Nếu ác nghiệp dầy đầy thì đất bằng cát bụi, đường đi bằng ngói gạch, lúa thóc đỡ đói, áo gai che thân, đi trong bùn, ngủ trong mưa, thu hoạch dưới sương, cày cấy dưới nắng. Đó đều do nghiệp lực chiêu cảm chứ nào phải ai khác xui khiến, tâm ông mê mờ, không biết nói càn là do đạo sinh thật đáng thương!

Lý Vinh sững sờ không đáp được. Tuệ Lập thừa cơ lung lạc Vinh. Vinh đành im lặng xấu hổ xuống tòa, rồi dẫn Hoàng Thọ lên tiếp tục đàm luận. Hoàng Thọ lập nghĩa của Lão Tử. Pháp sư Hội Ân nghĩ Lão Tử là tiên tông của quốc gia, vẫn nặn tên ông sợ rằng bị xúc phạm nên Ẩn tâu:

- Hoàng Thọ thân can dự trong Hoàng Cân mà chẳng biết húy kỵ, trà trộn trong đám cáo chuột lại nương tựa tổ tông. Đất nước từ lâu thừa hưởng đức cao, bệ hạ là con cháu của Lão Tử, lẽ đâu có loại con cháu công khai luận bàn tôn húy của tổ tông với người khác. Đến như nghĩa lý nhiệm mầu trong năm ngàn lời ấy, Thọ cũng không nêu được mà chỉ nêu tên của Thánh nhân. Xét tội luận hình phạt thì Thọ đáng tội chết.

Vua lắc đầu nói:

- Đương nhiên phải lập nghĩa khác. Thọ đã gặp trở ngại, lúng

túng đến nỗi quên cả mưu tính. Dù cũng có đối đáp nhưng không có thứ lớp.

Vua cho bãi triều và nói:

- Trẫm xem hai bên luận nghị, tông chỉ cũng chưa rõ ràng.

Pháp sư Tuệ Lập liền nói:

- Hai bên luận nghị tông chỉ chưa rõ ràng, thật đúng như lời bệ hạ nói. Vậy tại sao chúng Tăng lập nghĩa, đạo sĩ chẳng biết được điều gì. Đã xấu hổ vì không đáp được nên liền nói càn, nói bừa. Đến như Hội Ẩn lập nghĩa của Ngũ uẩn, Hoàng Tích lại dùng danh nghĩa của ẩm để vấn nạn. Ý chính của ẩm là che đậy, nghĩa của Uẩn là tích chứa. Chẳng hạn sắc có mười một, thì nó tích chứa ngay trong chữ Sắc. Thức có tám loại, thì nó cũng tích chứa ngay trong chữ một ấy. Nêu cái chung để tóm tắt cái riêng nên mới dùng nghĩa của Uẩn. Nếu dùng danh nghĩa của Ẩm để vấn nạn thì nghĩa lý hoàn toàn trái ngược.

Lại nữa, như Thần Thái lập nghĩa của Cửu Đoạn Tri, Đạo sĩ từ trước đến nay chưa từng nghe đến danh nghĩa của lập luận này. Người đối luận dù cũng lên tòa nhưng chẳng biết hỏi cái gì. Không biện luận được, cảm thấy xấu hổ liền chuyển sang vấn đề khác. Do đó mà tông chỉ không rõ ràng, làm luống phí sự hiện diện của bệ hạ. Lỗi ấy là do Đạo sĩ.

Yếu chỉ của Phật pháp, nhân duyên là quan trọng nhất. Thế nên nói: “Chưa từng có pháp nào mà chẳng do nhân duyên sinh”. Chẳng hạn khi mắt thấy trụ cột trong điện này phải có đủ năm duyên. Một là tâm thức không loạn động; hai là con mắt không bị bệnh; ba là phải nhờ ánh sáng; bốn là cảnh ấy ở ngay trước mắt; năm là không có vật chướng ngại. Phải đầy đủ các yếu tố như vậy mới thấy được trụ cột. Giả sử con mắt bị mù, ánh sáng chẳng có, thì dù trụ cột bằng ngọc cũng không thể thấy được.

Lại nữa như lúa thóc, phải nhờ đất, nước, công sức con người mới nảy mầm. Mùa hạ phải cấy trong chum lu, mùa đông phải chôn sâu trong đất. Duyên không đủ thì rốt cuộc không thể sống được. Con người cũng như vậy. Bên trong do nghiệp lực chiêu cảm làm nhân, bên ngoài nhờ cha mẹ làm duyên, thì thân này mới có. Nếu cha mẹ không thuận hòa thì rốt cuộc không sinh ta được. Đến như muôn loài chim thú cũng đều như vậy cả. Thế nên kinh nói:

“Vào sâu trong duyên khởi đoạn các tà kiến, nhờ trí tuệ của Phật mà thấu cùng thật tướng các pháp, nên được tôn xưng là Vô thượng Chánh giác, là thầy của trời người”.

Những người ngoại đạo thì không cho là như vậy. Có người cho rằng các pháp vốn tự nhiên, tức giống chủ trương của Trang Lão. Có người nói vốn không có nhân. Có người nói do tạo tác từ trước. Thấy biết đó đều là tà tông, không thấu rõ bản thể của các pháp.

Đến khi lập nghĩa về Y tha, Biến kế và Viên thành thật thì vua chối từ đi ra khỏi cung. Lát sau vua sai Nội Cấp Sự Vương Quân Đức tuyên chỉ:

“Về nghĩa nhân duyên của các thầy rất hay, sao không luận bàn sớm”.

Wương Quân Đức lại đến chỗ của Đạo sĩ tuyên sắc lệnh:

“Sao các người không học kinh Phật”.

Bọn Đạo sĩ như Lý Vinh... Nghe vậy hết sức hổ thẹn, vô cùng ảm ức.

Trong năm này vua ban lệnh thỉnh Pháp sư Huyền Trang dịch kinh Bát-nhã tại cùng Ngọc Hoa, đến ngày hai mươi ba tháng mười niên hiệu Long Sóc thứ ba thì ngài dịch xong. Bộ kinh tổng cộng đến sáu trăm quyển. Ngài dâng cho vua xem. Vua vui mừng khen:

- Lâu nay vì việc quân nước nên trẫm chưa hề đọc đến. Nay thấy kinh Phật vĩ đại thế này đối với trẫm chẳng khác nào nhìn trời ngắm biển, chẳng lường nổi ý chỉ cao sâu. Đem so sánh với chín phái của Nho gia thì chẳng khác nào xoáy nước của sông sánh với bọt của biển cả. Thế mà người đời cho rằng Tam giáo như nhau, quả là nói càn.

15. Vua xuống chiếu buộc Tăng lạy tục, Sa-môn Đạo Tuyên dâng sớ. (Canh Thân)

Lúc đầu vua kính tín Tam bảo, về sau lại sinh ngã mạn. Ngày rằm tháng tư, vua hạ chiếu buộc Sa-môn phải lễ kính quốc vương cha mẹ. Sợ có điều sai lầm khiến Sa-môn dâng biểu tấu hoài, nên ngày mười sáu vua lệnh cho Hữu ty cùng bàn bạc cho kỹ. Ngày hai mươi mốt tháng này, Sa-môn Uy Tú ở chùa Đại Trang Nghiêm dâng biểu không lạy thế tục. Đến ngày hai mươi lăm Sa-môn Đạo Tuyên... dâng biểu không lạy thế tục cho Ung Châu Mục là Bái Vương Luân. Ngày hai mươi bảy Đạo Tuyên... lại dâng biểu cho Vinh Quốc Phu Nhân Dương Thị, đồng thời thuật rõ sự hưng suy của Phật giáo. Đại ý nói về sự hưng suy trong những triều đại trước, sau đó dẫn kinh văn nói về việc không lạy thế tục. Ngài dẫn:

Kinh Phạm Võng nói:

“Phép tắc của người xuất gia không lễ lạy quốc vương, không lễ

lạy cha mẹ, không tôn sùng lục thân, không lễ lạy quỷ thần”.

Kinh Niết-bàn quyển sáu nói:

“Người xuất gia không lễ lạy người tại gia”.

Tứ Phần Luật nói:

“Phật cho phép chư Tỳ-kheo lễ lạy lẫn nhau, chứ không được lễ lạy bất cứ người cư sĩ nào”.

Kinh Phật Bản Hạnh quyển năm mươi ba nói:

“Vua Thâu-đâu-đàn cùng các quyền thuộc, bá quan lần lượt lạy chân Phật xong. Phật bảo: “Nay nhà vua có thể lạy Tôn giả Ưu-ba-ly cùng chư Tỳ-kheo. Quốc vương nghe Phật dạy, liền đứng dậy đánh lễ sát chân năm trăm Tỳ-kheo. Những người mới xuất gia vua cũng theo thứ lớp mà đánh lễ họ”.

Kinh Tát Bà Giá Ni Kiền Tử nói:

“Nếu người hủy báng pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật, cùng chê bai vắn nạn pháp Đại thừa đều phạm tội căn bản”.

Rồi ngài thưa cùng công khanh tể tướng trong triều xin được dâng chiếu thư về việc buộc Tăng lễ lạy quốc vương, cha mẹ.

Ngài viết:

“Sự lý sâu xa, kẻ hiểu biết cạn cợt đâu thể lường được. Phàm dấu tích của người xuất gia được liệt ngang hàng với quy củ của Thánh nhân. Khoa nghi của chân tục, trăm vương đều như nhau. Can mộc ở đất Ngụy lớn tiếng chống đối mà gặp được Văn Hầu. Tử Lăng ở đất Hán chấp tay vái hoài mà tìm được Qang Vũ. Những người ấy đáng là đạo nhỏ mà họ còn mến chuộng những người tài cao, lễ đâu Sa-môn chẳng buông thối tục lại bỏ những điều tốt đẹp sao”.

Sa-môn Uy Tú... cẩn thận trích dẫn kinh Phật, cho rằng Sa-môn không nên quỳ lạy quốc vương, cha mẹ, vì chỉ làm thương tổn mà chẳng có lợi ích gì. Ngài cũng dẫn giống như Đạo Tuyên, lại dẫn thêm:

Trong Thuận Chánh Lý nói:

“Quốc vương đừng ép Tỳ-kheo lễ lạy”.

Đại loại ngài viết:

“Giáo pháp huyền truyền sang phía Đông đã hơn sáu trăm năm. Đế vương của triều đại trước đều dựa vào kinh mà kính ngưỡng. Uy Tú... trộm nghe chân tục khác nhau, Sa-môn cắt đứt sự luyến ái hữu sinh, xiển dương lý huyền, ăn mặc khác thế tục. Mặc y phúc điền không lạy người thế tục. Lý thì đồng nhưng tình vượt xa, đạo giống nhau nhưng phép tắc khác hẳn. Cúi mong bệ hạ khuông chánh đạo mầu, nêu cao huyền chỉ. Nếu đã chuộng ở trong nước tức là đã thực hành ở trong nhà.

Đó đủ làm cho người xả tục không làm theo nghi thức của tập tục, người xuất gia đoạn tuyệt sự tôn kính kẻ tại gia, hộ pháp trông phước không việc gì hơn đây. Được như vậy giáo pháp tự nhiên rõ ràng, ai nấy đều gắng sức. Thần đem hết sự thành khẩn dâng biểu tấu này”.

Lúc bấy giờ chúng Tăng dâng biểu rất nhiều, vì sợ dài dòng nên không ghi lại hết. Việc này có nói rõ trong Hoàng Minh Tập.

Đến ngày rằm tháng năm, vua triệu tập bá quan văn võ tại Trung Đài bàn bạc việc này. Đạo Tuyên cùng hơn ba trăm Sa-môn ở Kinh ấp đua nhau dâng biểu trần tình. Sự việc rối bời chưa đi đến quyết định. Quan Hữu ty lần lượt dâng biểu cho vua xem. Một bên là Ty Thành Lệnh Hồ Đức Nghiệp cùng năm trăm ba mươi chín người khác dâng biểu đòi không lạy, một bên là Kiêm Ty Bình Thái Thường Diêm Lập Bồn cùng ba trăm năm mươi bốn người khác dâng biểu đòi phải lạy. Vua xem xong, xuống chiếu:

“Trẫm đã xem xét kỹ những ý kiến, xét kỹ sự tình, những bậc tiên triết vẫn đề cao việc này, hơn nữa từ trước vốn đã có. Nay đối với quốc vương thì khỏi lễ lạy, nhưng công lao dưỡng dục của cha mẹ cao sâu vô cùng, xin hãy làm gương, thiết lập kỷ cương. Từ nay về sau Sa-môn nên quỳ lạy. Người đứng đầu phải thi hành trước”.

Đến ngày tám tháng sáu, Trưởng lão trong kinh ấp như Trình Sĩ Ngung... dâng biểu, đại lược nói:

“Di Phong cao thượng, nhân chủ vẫn không cho lạy mình, lễ đâu chỉ lạy bề tôi. Còn như nhận cái nghi thức quỳ lạy, thần đã suy đi tính lại thấy không thể được. Thần mong nước không có hai sự tôn kính ấy, nên mở rộng thể thức này đến muôn phương. Sa-môn y cứ giáo lý lập thân hành đạo, không nên để tâm lo nghĩ chuyện riêng tư. Thần kính cẩn dâng tấu biểu”.

Từ đó việc Sa-môn lạy thế tục mới chấm dứt.

- Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Long Tường.

- Quý Hợi: Vua khổ sở vì bệnh phong, ủy thác chánh sự cho võ hậu.

*Giáp Tý năm mười sáu: Đổi niên hiệu là Lân Đức. Võ hậu chuyên quyền.

16. Pháp sư Huyền Trang thị tịch:

Ngày năm tháng hai Pháp sư Huyền Trang bệnh nặng, sai đệ tử là Đại Thừa Quang ghi lại số kinh sách ngài đã dịch, tổng cộng gồm một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển. Trước đó ngài tạc tượng Di-lặc cao

mười câu chi. Đến lúc bệnh, ngài luôn miệng tụng:

“Sắc uẩn không nắm bắt được, thọ, tưởng, hành, thức không nắm bắt được, nhãn giới không nắm bắt được, cho đến ý thức giới cũng không nắm bắt được. Vô minh không nắm bắt được, cho đến Bồ-đề cũng không nắm bắt được. Cái không nắm bắt cũng không nắm bắt được”.

Ngài lại sai đồ chúng xướng lời như vậy đến ba lần:

“Nam-mô Từ Thị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nguyện con cùng chúng sinh mau chóng thấy được dung nhan ngài. Nam-mô Từ Thị Như Lai Hiện Trú Nội viện, nguyện khi con xả thân được sinh về nơi ấy”.

Đồ chúng xướng xong, ngài nằm yên bên phải an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi. Chiều hôm ấy, cầu vồng trắng bốn đường, xuất hiện từ Bắc xuyên thẳng qua Nam, đâm xuyên sao Tỉnh kéo thẳng đến ngôi tháp trong chùa Từ Ân. Vua nghe ngài mất thương khóc rất thảm thiết, nói với tả hữu:

- Trẫm đã mất vật báu của nước rồi.

Vua không thiết triều ba ngày. Từ lúc mất đến an táng, vua hạ năm lần ngự trát, sai ghi lại việc này trong sách sử, ân cần lo liệu việc tang. Khi ấy, có một dị Tăng cầm mật hương chiêm-đàn đến xin y theo cách thức của Thiên Trúc thoa trên nhục thân ngài. Đại Thừa Quang... cứ đóng mãi cửa tháp không muốn mở, vị Tăng ấy nói:

- Đừng theo ý chỉ của vua, nếu có gì tôi xin tâu vua rõ.

Thừa Quang mở tháp, nhan sắc của ngài vẫn như người sống, mùi thơm xông ngát. Vị Tăng ấy thoa hương xong thì biết đâu mất. Có người nói ông ấy là người ở Đâu-suất nội viện. Tháng tư vua sai làm y như việc trà-tỳ Thế Tôn, tẩm liệm ngài trong quan vàng quách ngọc dựng tháp ở Sản Đông môn. Đệ tử ngài như Thần Thái, Thê Huyền, Hội Ẩn, Tuệ Lập, Ninh Duệ, Nghĩa Bao, Đại Thừa Quang... đều là bậc long tượng.

17. Pháp sư Đạo Thế biện rõ chân nguy trong Đạo kinh:

Đạo sĩ ở Tây Kinh quán như Quách Hành Chân, ở Đông Minh quán như Lý Vinh, Diêu Nghĩa Huyền, Lưu Đạo Hợp, ở hội Thánh quán như Điền Nhân Tuệ, Quách Cái Tông... , đem kinh sách bị mất mác của Đại giáo tu sửa lại, rồi lấy trộm kinh Phật, sửa văn đổi câu. Như lấy Nhân, Pháp, Danh, Số, Tam Giới, Lục Đạo, Ngũ Ấm, Thập Nhị Nhập, Thập Bát Giới, Tam Thập Thất Phẩm... Các pháp môn Đại Tiểu thừa cho vào trong kinh của Đại giáo, đồng thời sửa Trường An kinh, thành

Thái Thượng Linh Bảo Nguyên Dương kinh, sửa những kinh Phật khác lấy biệt hiệu là Thắng Mâu-ni kinh, hay Thái Bình kinh... Lại sửa luôn nghi thức tế tự rượu thịt, như dùng táo khô, nước thơm để mê hoặc người sau, làm trò yêu vọng. Sa-môn Đạo Thế dâng biểu thắm định thật giả. Trong ấy nói:

“Trộm nghe Bạch mã về Đông, ba tạng lập nên phát xuất từ đây, Thanh nguừ về Tây từ đó có hai thiên. Trong ấy hoặc xiển dương lý huyền để khai hóa muôn dân, hoặc biện rõ lý rỗng rang mà cứu tế, muôn loài. Kiểm xét lại toàn bộ kinh luận rõ ràng như trong lòng bàn tay. Vì thế xiển dương tông chỉ trọn cả thời này. Thời đại phiên dịch Phật giáo rất rõ ràng, văn nghĩa minh bạch, muôn dân không nhầm lẫn. Còn như kinh sách của Đạo gia thì không phải vậy, chỉ có hai thiên Lão Tử mới đích thực do Lý Đam diễn xuống. Còn lại những kinh khác đều do phàm tình chế ra. Vì sao? Vì thời Tiền Hán, Vương Bao viết Động Huyền kinh. Thời Hậu Hán, Trương Lăng viết Linh Bảo kinh và Chương Tiểu... gồm hai mươi bốn quyển. Thời Ngô, Cát Hiếu tiên viết Thượng Thanh kinh. Thời Tấn, Vương Phù viết Hóa Hồ kinh, và Bào Tĩnh viết Tam Hoàng kinh. Đời Tề, Trần Hiến Minh viết sáu mươi bốn Bộ Hư kinh. Đời Lương, Đào Hoằng Cảnh viết Thái Thanh kinh và Chúng Tiểu Nghi mười quyển. Đời Chu Vũ Đế, Trương Tân Chi, Tiêu Tử Thuận, Mã Dục, Lý Vận lấy cấp hơn một ngàn quyển kinh Phật. Đời Tùy, Phụ Tuệ Tường sửa kinh Niết-bàn thành Trường An kinh. Trong Tiểu Đạo luận nói: “Đạo gia chú thích bậy bạ ba trăm năm mươi quyển của Chư tử rồi liệt vào kinh của Đạo gia.

Lại nữa, xét trong thời Hán Minh Đế, Chử Thiện Tín... thống kê Đạo kinh và sách Chư tử cả thấy ba mươi bảy bộ, bảy trăm bốn mươi bốn quyển. Đời Tấn, trong Cát Hồng Thần Tiên truyện ghi:

“Tất cả phép tắc độ thế tiêu tai của Đạo giáo gồm chín trăm ba mươi quyển, phù thư... bảy mươi quyển’.

Đời Tống, Thái Thử năm thứ bảy, Lục Tu Tĩnh trả lời Minh đế:

“Kinh thư của Đạo gia và các sách thuốc thang, kinh sách nhà Phật... gồm một ngàn hai trăm hai mươi tám quyển, trong đó một ngàn không trăm chín mươi quyển đã lưu hành ở đời, còn một trăm ba mươi tám quyển vẫn còn ở Thiên Cung.”

Lại nữa, xét trong Huyền Đô Mục ghi:

“Lấy càn những thư tịch nổi tiếng như Nghệ, Văn, Chí rồi chú thích bậy bạ hơn tám trăm tám mươi bốn quyển cho là Đạo kinh”.

Nay Huyền Đô Mục ghi:

“Theo họ Lục đời Tống đã nói thì cả thầy gồm sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba quyển, nhưng chỉ mới hai ngàn không trăm bốn mươi quyển là có nguyên bản, còn bốn ngàn ba trăm hai mươi ba quyển vẫn chưa tìm thấy. Theo đó mà xét thì số mục có không ấy không giống nhau đủ thấy đều là hư vọng. Tăng thêm số lượng, thêm thắc từ chương, dựa vào kinh Phật rồi thay đầu sửa đuôi, lại cho đó là bậc nổi danh trong núi nói ra, hoặc cho là từ động tiên mang về. Thế tại sao chỉ một mình Hoàng Lĩnh biết, mà những người tài giỏi khác không thấy, sử sách không nghe, thư tịch không ghi. Xin hỏi những kinh sách của Đạo sĩ sau này là do Lão thị nói hay do Thiên Tôn nói thêm? Nếu là Lão Tử nói phải có tháng, xứ sở, thầy trò. Niên đại, năm tháng ấy là khi nào? Như đủ chứng cứ sao chẳng lưu hành? Nếu là vọng lập thì phải đốt đi. Ngưỡng mong đương kim Hoàng thượng minh xét”.

Từ đó Quách Hành Chân... bỏ tà về chánh. Lời văn phát nguyện của ông có nói đủ trong Phật Đạo luận.

Bính Dần: Đổi niên hiệu là Càn Phong. Tôn Lão Tử làm Huyền Nguyên Hoàng đế. Lúa thóc năm tiền một đấu.

Đinh Mão: Phật giáo truyền vào Trung Quốc được sáu trăm năm. Năm này dùng lịch Lân Đức.

18. Luật sư Đạo Tuyên ở Nam sơn:

Sư họ Tiền, người ở Kinh Triệu, cha làm Lại Bộ Thượng Thư. Mẹ sư nằm mộng thấy mặt trăng chui vào bụng mình mà mang thai sư. Bà lại mộng thấy Phạm Tăng đến nói:

“Đứa bé bà đang mang thai là Luật sư Lương Tăng Hựu”.

Sư ở trong thai đủ mười tháng mới chào đời. Năm chín tuổi, Sư xem khắp sử sách, mười hai tuổi giỏi về văn chương thư pháp. Năm mười lăm tuổi sư thọ học với ngài Tuệ Quân ở chùa Phật Nghiêm. Năm mười sáu tuổi tụng kinh Pháp Hoa trong hai mươi ngày thì tỏ ngộ. Sư xuất gia năm mười bảy tuổi, hai mươi tuổi thì thọ giới Cụ túc với Đại sư Trí Thủ. Sư thường mang ba y bằng vải thô, thường ngồi, ngày ăn một bữa.

Vũ Đức năm thứ tư, Sư lại theo Đại sư Trí Thủ học Luật. Sư ưa thích Thiền định, muốn nhập thất tu thiền, Tuệ Quân nói:

- Giới thanh tịnh, định sáng suốt, tuệ mới có nơi nương tựa. Mới nghe Giới luật chưa thật thông thạo thì làm sao biết Trì, Phạm.

Năm thứ bảy, Sư qua ở tại Trữ Ma Lan Nhã thuộc Chung Nam và bắt đầu chế tác Hành Sự sao. Chánh Quán thứ tư, Sư hành trì Bát-nhã

Tam-muội tại Thanh cung tinh xá. Ba tháng sau rồng hóa thành hình người đến nghe Sư giảng. Có ông Sa-di tâm nhiễm ô lén nhìn phụ nữ, rồng nổi giận muốn giết, nhưng nhớ lời sư dạy liền bỏ ác tâm, phun hết nọc độc xuống giếng. Sau thưa với sư đừng uống nước giếng đó. Sư đến nhìn xem, thấy nước trong giếng sùng sục phun lên.

Sau đó sư hành trì Tam-muội này tại chùa Vân Tế, cả thầy đến hai mươi pháp hội như vậy, thường cảm được thiên đồng đến hầu hạ. Năm thứ mười chín, Sư cùng ngài Huyền Trang dịch kinh tại chùa Hoàng Phước. Sư là bậc Thượng thủ trong những người chấp bút, chỉnh văn. Vĩnh Huy năm đầu, Sư về lại Trữ Ma. Mùa xuân năm Càn Phong thứ hai, có Thiên nhân đến báo Sư rằng:

“Báo duyên của ngài sắp hết, sẽ sinh trong nội viện của Phật Di-lặc”.

Ngày ba mươi tháng mười hai chúng Tăng thấy trên không trung phan hoa rợp trời, lại có mùi hương lạ, nhạc trời, chúng trời đồng thanh thỉnh sư về gặp Phật Di-lặc. Vua hay tin liền ra lệnh cho tự viện trong cả nước họa hình sư phụng thờ. Mục Tông làm bài tán:

*Đời có bậc giác làm sư Như Lai
Rồng quý quy phục thiên thần hầu hạ
Danh vang năm trời lời chấn vạn dặm
Điểu vàng lặn mất Phật nhật lên cao
Cúi đầu quy y khai chủ Luật tông.*

Ý Tông ban sư hiệu là Trùng Chiếu. Những tác phẩm do sư san định, tuyển soạn như Tăng Giới Bản một quyển (đến nay vẫn lưu hành), San Định Tỳ-kheo-ni Giới Bản một quyển, Chú Tăng Giới Bản ba quyển, Giới Sở bốn quyển, Chú Yết-ma kinh hai quyển, Yết-ma Sở bốn quyển, Hành Sư sao hai quyển, Tỳ-kheo-ni Sao ba quyển, Thập Tỳ-ni Nghĩa Sao ba quyển, Vọng Vật Khinh Trọng Nghi, Chương Phục Nghi, Quy Kính Nghi, Chánh Hạnh Sám Hối Nghi, Tân Học Giáo Giới Nghi mỗi loại một quyển, Pháp Hoa Nghĩa Uyển ba mươi quyển (đã thất lạc), Thích-ca Phương Chí hai quyển, Phật Đạo Luận Hành bốn quyển, Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển, Hậu Tục Tăng Truyện mười quyển, Quảng Hoàng Minh Tập ba mươi quyển, Tam Bảo Cảm Thông Ký ba quyển, Thiên Nhân Cảm Thông Truyện một quyển, Đại Đường Nội Điển Lục mười quyển.

19. Vua xuống chiếu cho Tăng, Đạo định đoạt Hóa hồ kinh:

Mậu Thìn: Đổi niên hiệu là Tống Chương. Vua xuống chiếu triệu

tập Tăng, Đạo tại điện Bách Phước cùng định đoạt thật giả của Hóa Hồ kinh, có trăm quan đến làm chứng. Pháp sư Pháp Minh được tuyển chọn vào tham dự, cùng thủ tòa của Tam giáo nghị luận. Ngài biết rõ thật giả liền vệt chúng bước ra hỏi:

- Trong lúc Lão Tử hóa thành người Hồ rồi thành Phật, ông dùng Hoa ngữ giáo hóa, hay Phạn ngữ giáo hóa? Nếu dùng Hoa ngữ thì người Hồ chưa rành, tất phải dùng Phạn ngữ. Kinh này được truyền đến đây ắt phải phiên dịch. Tôi chưa rõ Đạo lưu cho rằng Hóa Hồ kinh này được dịch vào triều đại nào? Ai là người chấp bút chứng nghĩa?

Khi ấy cả chúng hội đều ngỡ người chẳng ai đáp được. Công khanh đại thần đều khâm phục câu hỏi đích đáng của ngài, họ vui vẻ ra về. Vua xuống chiếu thu thập tất cả Hóa Hồ kinh trong thiên hạ đem đốt không cho lưu giữ trong số lượng của Đạo kinh. Sau đó Hằng Ngạn Đạo ở Hằng đạo quán... ở Lạc kinh dâng biểu xin giữ lại. Vua hạ chiếu nói:

“Tam thánh đồng sáng, nguồn đạo cùng cao, lẽ đâu ta quên Lão giáo mà thiên trọng Thích giáo sao. Ý của trăm muốn trong sạch Đạo giáo, trừ bỏ những điều đối trá. Lý trái sự ngược thì dù của mình cũng phải bỏ. Nghĩa hợp danh khế dù của kẻ khác nhưng tất phải ghi. Kể từ nay kinh tịch gì của Đạo gia ghi những điều có liên quan đến Hóa Hồ kinh đều phải trừ bỏ hết. Quan Hữu ty cần phải điều tra xem xét kỹ lưỡng.”

Canh Ngọ: Đối niên hiệu là Hàm Hanh.

Quý Dậu: Hoàng thượng được tôn xưng là Thiên hoàng, Hoàng hậu được tôn xưng là Thiên hậu.

Trong năm này, ngày tám tháng tư Hòa thượng Hoài Nhượng ra đời. Khi ấy có luồng khí trắng sáu đường xuyên suốt trên trời. Thái sử tâu với vua:

- Đây là khí tượng của người có đức, sau này sẽ xuất gia đầu Phật!

Vua hỏi:

- Người đó ở phương nào?

Thái sử tâu:

- Trong địa phận của An Khương.

Lát sau, Thái thú Kim châu là Hàn Hải dâng biểu tâu rõ việc ấy với vua. Vua nói:

- Đức của đạo nhân là sự vui mừng của quốc gia.

Rồi vua lệnh cho Hàn đích thân đến thăm hỏi, đồng thời ban phát phẩm vật để nuôi nấng ngài rất hậu. Thế là cả nhà ngài đều hưởng ân

vua. Về sau ngài xuất gia, kế thừa tâm ấn của Lục tổ, trụ tại Nam Nhạc làm rạng rỡ giáo môn.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu là Thượng Nguyên.

20. Tổ 5: Đại sư Hoàng Nhẫn. (Ất Hợi)

Đại sư Hoàng Nhẫn thị tịch trong năm này. Sư họ Châu, quê ở huyện Hoàng Mai thuộc Kỳ châu. Vừa mới sinh ra đã là bậc kỳ vĩ. Thuở nhỏ có dị Tăng thấy sư liền khen. Đứa trẻ này thua Phật bảy tướng tốt.

Về sau sư gặp Tứ tổ Đạo Tín và được tổ truyền y bát. Sư kế tiếp giáo hóa tại núi Phá đầu.

Trong niên hiệu Hàm Hanh có cư sĩ họ Lư tên là Tuệ Năng từ phương xa lặn lội đến tham học. Sư hỏi:

- Ông ở đâu đến đây?

Tuệ Năng thưa:

- Ở Lãnh Nam.

- Đến đây muốn cầu việc gì?

- Chỉ cầu làm Phật.

Sư nói:

- Người Lãnh Nam không có Phật tánh làm sao thành Phật được.

Tuệ Năng thưa:

- Con người có Nam Bắc, Phật tánh lẽ đâu lại như vậy ư.

Sư biết Tuệ Năng là bậc pháp khí, liền giả vờ nạt:

- Lui ra nhà sau đi.

Tuệ Năng đánh lễ Sư rồi lui vào nhà sau lãnh phần bữa củi, giã gạo.

Qua một thời gian sau, Sư biết thời cơ truyền pháp đã đến, bèn bảo chúng:

- Chánh pháp khó hiểu, không thể nhớ suông lời của ta rồi cho đó là việc của mình. Mỗi người các ông tùy ý viết ra một bài kệ, nếu nghĩa lý ngấm khế hợp thì ta truyền pháp cho.

Bấy giờ, trong chúng có hơn bảy trăm người, trong đó Đại sư Thần Tú là Thượng thủ, học thông cả nội điển ngoại giáo, chúng Tăng ai cũng kính ngưỡng. Thần Tú cũng nghĩ rằng chẳng còn ai trong chúng siêu xuất hơn mình, nên chẳng cần suy nghĩa, liền viết bài kệ lên vách phía Đông rằng:

Thân là cội Bồ-đề

Tâm như đài gương sáng

Luôn luôn siêng lau chùi

Chớ để dính bụi bặm.

Lúc đi ngang qua, Sư thấy bài kệ biết là do Thần Tú làm. Sư khen:

- Người đời sau nếu y bài kệ này tu hành cũng chứng được đạo quả.

Thế là cả đại chúng ai nấy đều đọc tụng bài kệ. Hôm sau, lúc Tuệ Năng đang giã gạo nghe bài kệ, ngài liền hỏi người đồng đạo:

- Bài kệ do ai làm thế?

Đồng đạo đáp:

- Hòa thượng muốn phó pháp nên sai mỗi người làm một bài kệ.

Bài kệ này do Thượng tọa Thần Tú làm.

Tuệ Năng liền nói:

- Hay thì hay thật nhưng chưa liễu ngộ.

Đồng đạo nghe vậy nạt sư là người dốt nát bình phẩm xằng bậy. Đến tối ngài nhờ một chú tiểu dẫn lên vách phía Đông, ngài cầm đèn rồi nhờ chú tiểu viết bài kệ của mình bên cạnh bài kệ của Thần Tú. Kệ rằng:

*Bồ-đề vốn không cội
Gương sáng chẳng có đài
Xưa nay không một vật
Bụi bặm bám vào đâu?*

Sư thấy bài kệ thâm hứa khả, biết chắc do Tuệ Năng làm. Sư giả vờ bảo chúng:

- Người làm bài kệ này cũng chưa thấy tánh.

Thấy sư không hứa khả, đại chúng cũng chẳng ai để ý đến bài kệ. Ngay đêm đó sư ngấm sai người vào nhà trù dẫn Tuệ Năng đến chỗ của mình, và bảo Tuệ Năng:

- Chư Phật xuất thế vì một đại sự nhân duyên. Tùy căn cơ lớn nhỏ mà Phật giáo hóa họ, từ đó mới có các pháp Thập địa, Tam thừa, Đốn, Tiệm... làm giáo môn. Thế nhưng chánh pháp nhãn tạng vi diệu bí mật viên minh chân thật chỉ truyền cho Thượng thủ Ca-diếp. Cứ thế lần lượt truyền được hai mươi tám đời. Đến tổ Bồ-đề Đạt-ma chịu khó đến nước ta truyền cho tổ Tuệ Khả và lần lượt truyền đến ta. Nay ta đem chánh pháp ấy truyền lại cho ông, đồng thời truyền luôn y ca-sa để làm minh chứng. Ông phải khéo giữ gìn chớ để đoạn tuyệt. Nghe ta nói kệ:

*Hữu tình đến gieo giống
Từ đất quả lại sinh
Vô tình đã không giống*

Không tánh cũng không sinh.

Tuệ Năng nhận y bát xong, thưa:

- Pháp đã nhận rồi, còn y truyền cho ai?

Sư nói:

- Xưa tổ Đạt-ma mới sang đây, người ta chưa tin, nên mới truyền y này để chứng minh cho việc đắc pháp. Nay lòng tin của con người đã sâu, y là đầu mối của sự tranh chấp, nên đến ông thì dừng lại chớ truyền nữa. Và lại ông phải ở ẩn đi đợi đến thời mới được hoằng hóa. Đó gọi là “Người nhận y như thân mạng treo đầu sợi tơ”.

Tuệ Năng hỏi:

- Con phải ở ẩn tại đâu?

Sư hỏi:

- Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn.

Tuệ Năng đành lễ sư rồi mang y ra đi. Suốt đêm ấy ngài đi mãi về Nam mà chẳng ai hay biết.

Liên tiếp ba ngày, Sư không thượng đường. Cả chúng nghi ngờ liền đến thưa thỉnh. Sư nói:

- Đạo của ta đã đi rồi.

Chúng hỏi:

- Y pháp thầy truyền cho ai?

Sư đáp: - Tuệ Năng.

Chúng nhớ lại cư sĩ họ Lữ tên Tuệ Năng, đoán chắc là người này liền dốc sức tìm, nhưng Tuệ Năng đã đi rồi.

Sau khi truyền pháp xong, bốn năm sau sư thị tịch, tháp được an trí tại Đông sơn. Đại Tông ban sư thụy là Đại Mãn Thiên sư, tháp hiệu là Pháp Vũ.

Cựu Đường sử chép:

“Cuối thời Hậu Ngụy có vị Tăng là Đạt-ma vốn là vương tử bên Thiên Trúc. Ngài nhường ngôi rồi xuất gia, chứng đắc diệu pháp của Thiên tông. Từ Phật Thích-ca, y bát được truyền dần xuống cho những người nối pháp. Đến Đạt-ma, ngài đem y bát này theo đường biển đến nước ta. Ban đầu ngài vào nước Lương. Lương Vũ đế hỏi ngài những việc hữu vi. Đạt-ma không vừa lòng bèn vào đất Thục ở ẩn tại chùa Thiếu lâm ở Tung sơn, rồi ngộ độc mà chết. Năm ấy, sứ Ngụy đi về gặp ngài ở Thông Lĩnh, môn đồ mở tháp ngài xem thì chỉ thấy một chiếc dép mà thôi.

Đạt-ma truyền pháp cho Tuệ Khả. Khả có lần chặt tay mình để cầu pháp này. Rồi Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo

Tín, Đạo Tín truyền cho Hoằng Nhẫn. Hoằng Nhẫn họ Châu, người ở Hoàng Mai, cùng ở chung với Đạo Tín tại chùa Đông sơn, nên thời bấy giờ người ta gọi pháp này là Đông Sơn Pháp Môn”.

Luận rằng: “Cửu sử trình bày chư tổ tuy ngắn gọn nhưng cái chính rất khế hợp với những gì mà Bảo Lâm và Truyền Đăng ghi chép. Còn như nói, Đạt-ma ngộ độc rồi chết và sứ Ngụy gặp ngài ở Thông Lãnh, lẽ đâu có những chuyện ấy ư?”

Người ta nói tiền thân của Ngũ tổ vốn là Tài Tùng Đạo Giả, ông gặp được Tứ tổ và muốn truyền y bát nhưng lúc ấy tổ than:

- Ông già quá rồi, dù được kế thừa nhưng ông hoằng hóa có là bao lâu. Nếu ông tái sinh thì ta truyền cho.

Nhân đó Ngũ tổ thác sinh trong nhà họ Châu. Người con gái ấy không chồng mà bỗng có mang, bà gánh chịu không biết bao tai họa, chỉ có chết mới rửa được nỗi oan. Tứ tổ vẫn kiên nhẫn chờ đợi đến lúc ông lớn khôn rồi truyền đại pháp cho ông. Ôi! Tổ của ta vào sinh ra tử chẳng khác trò đùa. Nếu quả vị chẳng phải là Thượng thánh thì ai có thể làm được như vậy.

Bính Tý: Đối niên hiệu là Nghi Phụng.

21. Tôn giả Phật-đà-ba-lợi:

Tôn giả Phật-đà-ba-lợi người Bắc Thiên Trúc đến Thanh Lương sơn ở Ngũ đài gặp một ông lão. Ông lão hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Lợi thưa:

- Muốn lễ lạy Văn-thù.

- Ông có đem Phật Đảnh Tôn Thắng Thần Chú đến không?

- Thưa không.

- Chúng sinh nơi này ác nghiệp đầy đầy. Người xuất gia lại phạm tội tứ khí rất nhiều, không trì chú này, đi xa nào có ích gì. Ông có thể về lấy thần chú ấy lưu hành ở đất này được không?

Ba-lợi lạy ông già rồi quay về. Khai Diệu năm đầu, ngài đem thần chú đến Trường An. Vua hạ chiếu thỉnh Tam tạng Nhật Chiếu phiên dịch ra Hán ngữ. Vua nghe thần chú này linh nghiệm dị thường, nên giấu kỹ không cho lưu hành. Ba-lợi nhiều lần tâu xin, Cao Tông bắt đắc dĩ mới cho. Lợi từ giã vua vào Ngũ Đài, sau đó chẳng ai biết ngài thị tịch ở đâu. Thời bấy giờ, ở Nam Thiên Trúc có ngài Bồ-đề-lưu-chi tu hạnh Đầu-đà, Chí học đạo với Tôn giả Da-xá-cù-sa. Ngài là bậc Tông sư của Tây Vực thanh danh chấn động đến Trung Quốc. Vua nghe rất

vui, liền sai sứ đi Tây Vực thỉnh ngài sang Trung Quốc.

Kỷ Mão: Đổi niên hiệu là Điều Lộ.

Canh Thìn: Đổi niên hiệu là Vĩnh Long.

Tân Ty: Đổi niên hiệu là Khai Diệu.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thuần.

22. Pháp sư Khuy Cơ ở Từ Ân:

Pháp sư Khuy Cơ ở Từ Ân mất trong năm này, thọ năm mươi một tuổi. Vua vô cùng thương tiếc, tự tay viết bài tán bên bức chân dung ngài và ban sắc lệnh an táng ở Bắc Cừ, Phàn Xuyên gần mộ tháp của ngài Huyền Trang.

Tướng mạo ngài rất tuấn tú, cao tám thước, khí khái hơn người, cổ có ngọc chằm, mười ngón tay đều có hoa tay xoáy tròn như cái ấn, ai thấy cũng trầm trồ thán phục. Ngài rất nhân từ hay chỉ dạy người khác. Về già, ngài tu hành nghiêm mật cầu sinh trong nội viện, lại giữ giới rất tinh tấn, từng tạc tượng Văn-thù bằng ngọc, chếp kinh Đại Bát-nhã bằng mực trộn mật vàng, đều có điềm lành ứng hiện. Hồi ấy, Luật sư Đạo Tuyên ở Nam sơn hoàng truyền giới luật, thanh danh vang khắp năm xứ Ấn Độ, cảm được chư Thiên dâng cúng thức ăn. Mỗi lần thấy ngài du ngoạn trên ba cỗ xe, Đạo Tuyên rất không ưng ý. Có lần ngài thăm Đạo Tuyên. Hôm ấy quá ngộ rồi mà chẳng thấy chư Thiên mang cơm đến. Đến khi ngài về thì Thiên thần liền giáng xuống. Đạo Tuyên trách thiên thần đến muộn. Thiên thần đáp:

- Tôi thấy Đại thừa Bồ-tát đứng đây, oai vệ quá nghiêm nên không biết vào lối nào.

Đạo Tuyên nghe vậy thất kinh. Từ đó xa gần đều rất tôn kính ngài.

Trước đó Pháp sư Huyền Trang là người đích thân nhận lãnh yếu chỉ Du-già Sư Địa, Duy Thức Tông do Đại sư Giới Hiền bên Tây Vực truyền trao. Ngài là người lãnh hội hết yếu chỉ ấy, lại thấy suốt được căn nguyên. Hậu học sau này tôn xưng ngài là bậc Thượng thủ của Tam thừa Pháp Tướng Hiển Lý Tông và gọi đó là Từ Ân giáo.

Ấn sĩ Tôn Tư Mạc mất, thọ hơn một trăm tuổi. Mạc rất giỏi Trang Lão và những thuật như âm dương, tính toán và thuốc thang... lại rất tinh thông kinh Phật. Đời tôn xưng ông là Tôn Chân Nhân.

Quý Mùi: Đổi niên hiệu là Hoàng Đạo. Tháng mười một vua băng hà, ủy thác việc quân nước cho Thiên hậu trông coi. Thái tử Hiến lên ngôi.

23. Pháp sư Đạo Thế soạn Pháp Uyển Châu Lâm:

Pháp sư Huyền Uẩn mất. Uẩn tự là Đạo Thế, có thuyết nói tên là Đạo Thế, để tránh tên húy của Thái Tông nên đổi tên thành ra tự. Ngài thông suốt cả ba tạng, thường than tạng giáo và sử sách xưa nay rất nhiều, nhưng học giả rất khó tra cứu đầy đủ, nhân đó ngài soạn Pháp Uyển Châu Lâm gồm một trăm quyển. Trong ấy khai mở rất nhiều pháp môn, trí giả rất trân trọng tác phẩm này vì nó vừa chính xác lại vừa uyên thâm.

Cao Đế mất trong năm này, Trung Tông lên ngôi được vài tháng bị Thiên hậu phế xuống làm Lô Lăng vương, giam lỏng ở Phòng châu. Thiên hậu lâm triều giải quyết chánh sự. Đó là Tắc Thiên Hoàng đế tháng bảy năm sau, mười Sa-môn vào cung dâng vua bộ Đại Vân kinh, trong ấy tôn xưng Tắc Thiên rất đáng được làm Thiên tử. Tắc Thiên rất vui, ban thưởng áo gấm tía, bị đẩy... đồng thời lưu hành kinh này khắp quận phủ trong nước mỗi nơi đều phải dựng chùa Đại Vân. Tháng chín, Tắc Thiên bỏ quốc hiệu Đường đổi lại thành Đại Chu, và tự xưng là Thánh Thần Hoàng Đế.

Giáp Thân: Trung Tông tên là Hiễn, lên ngôi đổi niên hiệu là Tự Thánh, tháng hai đổi niên hiệu là Văn Minh. Trong tháng giêng lập Vi Huyền Trinh làm Hoàng hậu. Trung Tông nói: “Ta vì thiên hạ lấy Vi Huyền Trinh chẳng lẽ không đáng sao.” Tháng hai Thiên hậu phế Trung Tông xuống làm Lô Lăng vương lập em của ông là Duyệt Vương Đán làm vua, nhưng cho ở riêng trong điện. Thiên hậu lâm triều giải quyết chánh sự.

24. Võ Hậu Tắc Thiên:

Võ hậu Tắc Thiên tên là Chiêu, lên ngôi đổi niên hiệu là Quang Trạch. Có thuyết nói:

“Thuận Thánh Chiêu là người ở Văn Thủy, Tịnh châu. Cha là Võ Sĩ làm quan đến chức Công Bộ Thượng Thư, Đô Đốc Kinh Châu, được phong làm Ứng Quốc Công. Thiên hậu có lần làm ni tu tại chùa Cảm nghiệp, lúc ấy mới mười bốn tuổi. Thiên hoàng có lần xa giá đến chùa gặp Thiên Hậu vua rất mến, bèn tuyển bà làm Chiêu Nghi. Sau tấn phong làm Thần Phi. Vua mất bà lên nhiếp chánh, lập những người trong họ Võ làm vương. Năm Giáp Thìn bà đại định được thiên hạ. Khi Thiên hậu lâm bệnh, Địch Lương Công, Nhân Kiệt... đón Lư Lăng Vương lên ngôi. Năm sau bà mất ở Thượng dương, thọ tám mươi một tuổi, an táng ở Càn lăng, trị vì được hai mươi một năm.

Ất Dậu: Đối niên hiệu là Thùỵ Củng. Định chế việc để tang cho mẹ. Ngày xưa mẹ mất con chỉ để tang đúng một năm. Trong Thiên Tang Phục ghi:

“Trời không có hai mặt trời, nước không có hai vua, dân không có hai chủ, nhà không có hai cha, nên định chế để tang có một năm. Khi Thiên hoàng mới lên ngôi, Thiên hậu liền dâng biểu xin, cha còn sống thì để tang mẹ ba năm. Vua đồng ý, hạ chiếu ba hành, nhưng đến niên hiệu Thùỵ Củng mới biên nhập trong quy chế.”

25. Bắt đầu Định Chế Mẫu Tang, dựng Minh Đường:

Bính Tuất: Thiên hậu giao triều chánh cho vua, vua chối từ, Thiên hậu lâm triều và bắt đầu dựng Minh Đường. Trong năm Trinh Quán thứ năm, vua muốn dựng Minh Đường liền ban lệnh cho Khổng Dĩnh Đạt... cả thầy mười người định nghi chế độ, nhưng quần Nho cố chấp bàn cãi mãi không đi đến quyết định bèn thôi. Đến Càn Phong thứ ba, vua hạ chiếu mời Nho gia luận nghị lại, nhưng cuối cùng cũng không được nên dừng lại. Đến Thiên Hậu, Thùỵ Củng thứ hai lại triệu tập Nho gia cùng bàn bạc đặc ra cách thức, đến ngày năm tháng giêng, Thùỵ Củng thứ tư mới xong. Cách thức này, Minh Đường cao hai trăm chín mươi bốn thước, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi bên dài ba trăm thước, có ba tầng. Nền dưới vuông vức, giữa có mười hai thân, bên trên có hai mươi bốn khí, dùng sắt đúc vòng cung, cứ hai mươi bốn bộ đào một con sông để khỏi ngập nước, lại sắm thuyền bắt cầu ăn thông với nhau. Cách thức này khác với những triều đại trước. Nhà Hạ gọi là Thế Thất, nhà Ân gọi là Thùỵ Ốc, nhà Chu gọi là Minh Đường.

26. Khánh Sơn bắt đầu xuất hiện:

Năm này có ngọn núi Kiết Tường lần đầu tiên xuất hiện. Trong Đường Ngũ Hành Chí ghi:

“Tháng chín năm Thùỵ Củng thứ hai, tại huyện Tân Phong thuộc Ung Châu có gió lớn sấm sét nổi lên và bất ngờ có một ngọn núi xuất hiện. Núi cao hai mươi trượng, xung quanh có ao, diện tích ba trăm mẫu. Trong ao có hình rồng phụng và những cây lúa nếp rất lạ. Thiên hậu cho là điềm thái bình nên đặt tên là Khánh sơn”.

Kỷ Sửu: Đối niên hiệu là Vĩnh Xương.

-Canh Dần: Đối niên hiệu là Thiên Thụ. Ngày Tân Dậu tháng hai, Thiên hậu tổ chức cúng sĩ thi cử tại điện Lạc thành. Thế thức thi cử có từ đây. Tháng chín đối niên hiệu là Kiến Quốc, đối quốc hiệu là Chu.

Ngày một tháng này dùng ngày tháng của nhà Chu.

Nhâm Thìn: Đổi niên hiệu là Như Ý, lại đổi thành Trường Thọ.

Giáp Ngọ: Đổi niên hiệu là Diên Tái.

Ất Mùi: Đổi niên hiệu là Chứng Thánh. Tháng chín lại đổi thành Thiên Sách Vạn Tuế.

27. Dịch Đại kinh Hoa Nghiêm:

Năm này Tắc Thiên lại gia hiệu cho mình là Thiên Sách Kim Luân Thánh Thần Hoàng Đế. Vua nghe nước Vu-điền có Đại kinh Hoa Nghiêm bằng tiếng Phạm liền sai sứ đem ngọc lụa đến để xin thỉnh kinh, đồng thời mời một học giả giỏi tiếng Phạm của nước này cùng qua Trung Quốc. Lúc ấy quốc chủ của Vu-điền nhận thấy ngài Thật-xoa-nan-đề (Hán dịch là Hỷ Học) là người tinh thông tông chỉ Hoa Nghiêm nên thỉnh ngài đi theo sứ. Tắc Thiên gặp ngài thì vô cùng vui mừng liền thỉnh ngài vào ở tại chùa Đại Biển Không, cùng dịch kinh Hoa Nghiêm với Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, Pháp sư Thần Trắc, Huyền Cảnh, Phục Lễ. Lúc ấy, Tắc Thiên xa giá đến chùa, đích thân thiết trai cúng dường. Đến ngày tám tháng mười năm Thánh Lịch thứ hai bộ kinh được dịch xong, tổng cộng tám mươi quyển.

28 Vua hạ chiếu cho Khương Pháp Tạng làm Tăng:

Thiên Sách Vạn Tuế năm đầu, vua hạ chiếu mời Sa-di Khương Pháp Tạng khai diễn tông chỉ kinh Hoa Nghiêm tại chùa Đại Nguyên. Tạng vừa giảng đề kinh thì cảm được điềm lành, một đạo hào quang trắng sáng rõ từ trong miệng ngài tuôn ra, chỉ trong giây lát hào quang tụ lại thành cái lọng che, trụ trong hư không rất lâu, cả chúng hội đều ngõ ngàng trước điềm lạ. Đô Giảng Tăng Hằng bẩm báo với Tắc Thiên, Tắc Thiên vô cùng vui liền hạ chiếu chỉ mời mười vị Đại đức trong kinh thành truyền thọ giới Cụ túc cho ngài. Tắc Thiên ban ngài hiệu là Hiền Thủ, triệu tập ngài tham dự việc dịch kinh trong chùa Đại Biển Không.

29. Vua hạ chiếu thỉnh Thiên sư Tuệ An ở Tung Nhục vào triều hỏi đạo:

Năm này Tắc Thiên hạ chiếu thỉnh Thiên sư Tuệ An ở Tung Nhục vào triều hỏi đạo. Sư và Thiên sư Thần Tú rất được Tắc Thiên kính trọng. Có lần Tắc Thiên hỏi Sư:

- Giáp Tý thứ mấy?

Sư đáp:

- Không nhớ.

- Sao lại không nhớ?

- Cái thân sinh tử có tuần hoàn, tuần hoàn đã không, sinh tử cũng dứt thì nhớ làm gì. Huống gì tâm thức bưng bưng chẳng có gián đoạn, kẻ thấy bóng bọt nổi lên thì đó chỉ là vọng tưởng mà thôi. Từ khi mới có tâm thức đến lúc tâm thức chuyển biến rồi mất đi, cũng chỉ ở ngay đây. Như vậy có năm tháng nào để có thể nhớ được.

Tắc Thiên nghe xong không ngớt khen ngợi. Lúc ấy sư đã hơn trăm tuổi, người ta tôn xưng sư là Lão An Quốc sư.

Bính Thân: Đổi niên hiệu là Vạn Tuế Đăng Phong, lại đổi thành Thông Thiên Vạn Tuế.

Đinh Dậu: Đổi niên hiệu là Thần Công.

Mậu Tuất: Đổi thành Thánh Lịch, đón Trung Tông từ Phòng lăng về lập làm Thái tử, Diêu Huyền Tông làm Tể tướng.

30. Tam tạng Nghĩa Tịnh từ Ấn Độ về:

Ngày Mậu Thìn tháng năm, Tam tạng Nghĩa Tịnh từ Tây Vực trở về. Ngài thỉnh về hơn bốn mươi bộ kinh bằng Phạm ngữ, hơn ba trăm hạt xá-lợi và hình tượng Phật. Tắc Thiên xa giá đến Đông môn nghênh đón và thỉnh ngài về ở tại chùa Thụ Ký. Sau đó không lâu thỉnh ngài vào chùa Đại Biển Không cùng dịch kinh, chứng nghĩa với ngài Thật-xoa-nan-đề... Tháng mười năm sau, bộ kinh vừa dịch xong, Thật-xoa-nan-đề... dâng biểu tâu vua. Tắc Thiên tự tay viết bài tựa, rồi đem truyền thị cho bá quan tại điện Thái Cực. Những người hộ pháp hoàng dương chánh giáo chưa ai xuất sắc như Thiên Hậu.

Pháp sư Nghĩa Tịnh họ Trương, quê ở Phạm dương, Tề châu. Gia thế ngài nhiều đời làm quan. Năm mười lăm tuổi ngài đã có chí Tây du, đến năm ba mươi bảy tuổi mới hoàn thành được tâm nguyện, và trở về trong năm này.

Kỷ Hợi: Hai hàng lông mày của Thiên Hậu có hình chữ Bát. Phật xuất hiện ở Khánh sơn. Thiên Hậu xuống chiếu dựng chùa. Lý Bạch sinh trong năm này.

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Cửu Thị. Tháng mười lại đổi thành Hạ Chánh.

31. Vua hạ chiếu thu tiền của Tăng để đúc tượng:

Thiên Hậu hạ chiếu gom tiền của Tăng Ni, mỗi người đóng mỗi

ngày một đồng để đúc pho tượng lớn tại sườn núi Bạch Mã. Tể tướng Dịch Nhân Kiệt dâng sớ can rằng:

“Cái gốc của việc trị nước trước tiên là nhân sự. Bệ hạ thương xót quần sinh mê lầm trầm luân không nơi thú hưởng, muốn sai đúc tượng lưu hành đạo pháp để muôn dân thấy mà làm lành. Nhưng nay Già lam nhiều hơn cung thất, vô cùng xa xỉ, rút hết sức người, rục rờ hơn điện đường, tráng lệ hơn cung thất. Công lao không phải nhờ quý, vật liệu đâu phải của trời, mà là đều do dân, như vậy dân làm sao kham nổi. Vả lại đời sống con người cũng có hạn, dùng sức họ quá mức, đến nỗi nhà cửa của họ không mấy ai hoàn bị, họ đứt ruột đau gan nhưng chẳng dám khi có lệnh dờ bỏ. Du Tăng luôn nói suông, đặt điều họa phước, cắt tóc đổi áo nhưng dần dần mất phẩm chất, chẳng khác nào kẻ ly gián tình cốt nhục, việc làm như kẻ bàng quan. Tự thân cũng lấy vợ mà cho rằng không bỉ không ngã. Họ đều là những người mượn pháp Phật lừa dối kẻ ngu. Trong quận huyện có quá nhiều nhà chứa kinh, trong thành thị có quá nhiều tinh xá. Họ chăm chăm dụ dỗ, kết giao với quan lại tiếng tăm, những Pháp sư cung cấp lại vượt hơn lệnh vua. Sản nghiệp của họ dồi dào, vườn ruộng của họ bao la, đã quá giàu sang lại chẳng hề biết chán. Họ trốn lính chạy tội, dựa thế pháp môn. Muôn dân hễ không cày bừa thì chẳng có ai ăn, những kẻ ăn không ngồi rồi đã quá nhiều, lại đi cướp của người khác. Mỗi lần nghĩ đến việc này thần vô cùng đau xót!

Xưa Lương Võ, Giản Văn bố thí chẳng tiếc, nhưng khi Tam Duy loạn lạc, Ngũ Lĩnh ngã nghiêng, chùa chiền chật thành nhưng chẳng có ai ra tay cứu mối hiểm họa. Sa-môn đầy đường nhưng nào có ai có công giúp chúa. Huống gì phượng Bắc nhiều loạn, chinh chiến liên miên, bây giờ thêm công việc này e rằng sức dân không kham nổi. Không khiến dân làm, công đức đã vô lượng, cần gì phải dựng lập tượng to làm hao tổn sức người sức của. Dù gom tiền Tăng nhưng cũng không thắm vào đâu cả. Pho tượng đã lớn thì không thể để phơi ngoài trời, nhưng xây lên trăm tầng cũng chưa hẳn đã che kín. Nay thần cùng các quan bàn bạc, họ đều cho rằng Như Lai lập giáo lấy từ bi làm đầu, cứu độ hàm linh cũng vận dụng tâm này, lẽ đâu Phật lại muốn lao nhọc quần sinh, giữ lấy cái đẹp hư huyền.”

Nhân Kiệt dâng sớ nhưng Tể Thiên chẳng thay đổi ý định.

Luận rằng: Pháp sư Chi Độn nói: “Sa-môn ở đời giống như dựa con thuyền rồng để vượt sông sâu, ngoài ra không nên vì mọi việc mà chùn bước, cũng không nên dựa vào đó mà an nhàn. Trong bốn biển rớt cuộc ta không nhà, gặp nước loạn thì nên chấn tích vân du. Đạo

hợp thì vui vẻ cùng đến. Vì vậy ở trong thiên hạ, chúng ta là người vô sự. Đến lúc mặt pháp, những kẻ bại hoại đạo pháp chỉ sống cầu thả an nhàn qua ngày, theo những lời của Địch Lương công, lẽ đâu chúng ta lại không sợ mà tránh đi chẳng. Than ôi! Lẽ đâu đó là việc làm của bậc Sa môn chân chính ư. Trong sơ tấu ấy nói Như Lai lập giáo cốt để cứu độ hàm linh, lẽ đâu lại làm lao nhọc muôn dân, giữ lấy cái đẹp hư huyễn. Những lời ấy chẳng những sửa cái lỗi của Tắc Thiên, mà còn lợi ích vô cùng trong việc chỉnh đốn lại giáo pháp của Phật giáo ta. Nếu đem so sánh với những lời mà hậu thế bài xích Phật, Lão thì khác xa một trời một vực”.

Tân Sư: Đổi niên hiệu là Đại Túc, lại đổi thành Trường An.

Lúc Tắc Thiên chuẩn bị lập tượng, Ngự sử Trương Đình Khuê lại dâng sớ can rằng:

“Phật nghĩa là Giác tri, từ nội tâm mà thành tựu, đâu thể dùng các tượng bên ngoài mà nhìn thấy được. Kinh nói:

“Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thấy được Như Lai”.

Đó là quả của chân như không thể dùng hình tướng bên ngoài tìm cầu được. Bệ hạ tin tâm quy y, phát thệ nguyện lớn, dựng cao tháp miếu, trang sức tôn tượng đã có khắp thiên hạ rồi. Đó chỉ là trụ tướng bố thí, là pháp hữu vi không phải là pháp hy hữu tối thượng đệ nhất. Tại sao biết được? Vì trong kinh nói:

“Nếu người đem bảy thứ báu trong khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí phước ấy rất nhiều nhưng không bằng người thọ trì bốn câu kệ trong kinh này và diễn nói cho người khác nghe, thì phước này thù thắng hơn bố thí.”

Theo những gì Phật nói, thì bệ hạ dù dốc hết tiền của trong bốn biển, vắt kiệt sức của muôn dân, đốn sạch cây cối trong núi để dựng chùa tháp, nấu hết bạc vàng để trang sức tượng, tốn sức đã nhiều, tổn của không ít, nhưng phước báo có được vẫn không bằng kẻ thất phu trong Thiên lâm. Bồ-tát gieo trồng phước đức không nên tham chấp, bởi vì đó là pháp hữu vi, chưa phải thù thắng, huống gì việc xây cất trong cõi này chỉ dùng đất đá cây gỗ. Lại nữa, có lúc phải khai phá gò đồi để dựng nền móng, có khi phải lấp hang phá ổ, chặt phá để khai thông, lăn đá đè con trùng kẻ sao cho xiết. Phật mở ra cách thức an cư kiết hạ, lẽ đâu không phải là thương xót côn trùng không nỡ giẫm đạp nó đó sao. Lại nữa, đâu phải nhờ quỷ thần kiến tạo mà là do sức người dựng xây. Phần đông thợ thuyền là dân nghèo cùng lam lũ, họ phải làm lụng ngày

đêm, đổ mồ hôi sôi nước mắt, ăn đùm uống gói, dầm mưa dãi nắng, chịu đủ mọi đói khát bệnh tật. Phật mở bày cách thức khát thực, lẽ đâu không phải là cấm dôn chứa của cải, không nở bắt dân phải lao khổ đó sao. Hơn nữa việc xây dựng lấy tiền của Tăng Ni, dù có quyên góp khắp nơi nhưng có thấm vào đâu, dân nghèo túng lại nhiều. Các châu huyện đi gom tiền lại hối thúc bức bách. Có người làm lụng còn không đủ ăn, phải bán cháo để lấy tiền nộp, ai oán đầy đường, gây mất hòa khí. Phật nêu cái đạo hỷ xả lẽ đâu không phải là thương xót kẻ ngu muội, không nở cướp đoạt tài sản của họ đó sao. Vả lại biên ải chưa yên, lương thực lại sắp hết, muôn dân trong nước đã dốc hết tiền của, cúi mong bệ hạ cân nhắc thận trọng, hãy nghĩ đến hạnh của Bồ-tát, làm lợi ích cho tất cả quần sinh. Nếu đúng như vậy mà bố thí, thì phước đức như hư không trong bốn phương tám hướng chẳng thể nào tính biết được. Được vậy thì cần gì phải chấp tướng, làm thương tổn đến cơ nghiệp của sinh linh, chuộng những việc làm chưa phải cần thiết lắm. Thân theo nền chánh trị đương thời mà nói thì điều cần kíp là nghĩ đến biên cương, tích chứa lương thảo, trưởng dưỡng sức dân. Theo Phật giáo mà bàn thì cần phải cứu lấy khổ nguy, bỏ tâm chấp tướng chuộng cái vô vi. Cúi mong bệ hạ xét kỹ lời thân, làm cái hạnh của Phật, cốt lại phải chuộng lý, đừng vì người mà bỏ lời hay”.

Đình Khuê dâng sớ, Tắc Thiên rất vui mừng, liền triệu Đình Khuê vào điện Trường Sinh, ban vàng bạc gấm lụa cho ông.

32. Vua hạ chiếu mời Hiền Thủ Pháp Tạng giảng kinh mới dịch:

Năm này, Thiên Hậu hạ chiếu mời Pháp sư Hiền Thủ Pháp Tạng giảng bộ kinh Hoa Nghiêm mới dịch tại chùa Phật thọ ký ở Đông đô. Giảng đến thế giới Hoa nghiêm đất bỗng chấn động, giây lâu mới dừng. Ngay hôm đó, Thiên Hậu thỉnh ngài vào điện Trường sinh hỏi về nghĩa của Đế Võng, Thập Trùng Huyền Môn, Hải Ấn Tam-muội, Tham Hợp Lục Tướng, Tổng, Biệt, Đồng, Dị, Thành, Hoại... Ngài theo thứ tự diễn giảng, huyền chỉ thông suốt, Tắc Thiên nghe đến đâu ngỡ ngài thần phục đến đó. Tắc Thiên thỉnh ngài giảng lại, ngài liền chỉ con sư tử vàng trong góc điện để ví dụ, nói:

- Có thể nói một đầu lông sư tử, trăm ức đầu lông sư tử”.

Tắc Thiên hoát nhiên lãnh hội được ý chỉ, và thế là gom tập những lời ngài giảng và lấy tên là Kim Sư Tử Chương. Hồi ấy, Tôn giả Trí Nghiêm là người kế thừa tông chỉ Hoa Nghiêm của Đỗ Thuận. Ngài cầu học với Trí Nghiêm và được truyền tông chỉ này. Đến khi

ngài Trí Nghiễm mất, ngài đội khăn tang mà thuyết pháp. Lúc ấy các bậc cao đức trong kinh thành liên tiếp dâng biểu xin độ ngài làm Tăng. Ngài được xuất gia thọ giới Cụ túc đều do đặt Chiếu của Thiên Hậu.

Có lần ngài thiết lập mười cái gương tròn để trong tám phương và trên dưới cho Tắc Thiên. Ngay chính giữa ngài đặt pho tượng Phật rồi dội ánh sáng vào, khi ấy mỗi một cái gương đều hiện ra tượng Phật và nhiếp nhập với nhau. Những người đến xem cũng đều hiện đủ trong gương. Đó là biểu trưng cho diệu lý mười pháp giới đều hàm dung vô tận. Ngài mất, Quốc sư Thanh Lương Trừng Quán được kế thừa tông chỉ này. Học giả trong thiên hạ đều đua nhau theo học, và đặt tên cho tông này là Nhất Niệm Viên Dung Cụ Đức và gọi giáo này là Hiền Thủ giáo.

Nhâm Dẫn: Lần đầu tiên mở khoa thi võ.

33. Đúc tượng hoàn thành, vua dẫn bá quan đến lễ lạy cúng tế:

Năm này kinh phí đúc tượng của Tắc Thiên gần đủ, Nạp Ngôn Lý Kiêu dâng sớ can:

“Thần nghe Phật pháp từ mẫn, Bồ-tát hộ trì, chỉ nghĩ đến việc lợi ích cho quần sinh chứ không mượn việc dựng chùa đúc tượng. Thần lại nghe tiền đúc tượng không phải của muôn dân mà là của Tăng Ni, nhưng chẳng nhờ châu huyện giúp sức thì không thể hoàn thành được. Muôn dân trong nước phần đông nghèo cùng, có người phải làm thuê nơi đất khách để lấy tiền lương, có người bán ruộng cầm nhà để có tiền mà nộp. Nay số tiền đúc tượng đã lên đến một trăm bảy mươi ngàn quan tiền. Nếu đem số tiền này cứu giúp cho người nghèo cùng, mỗi người một ngàn thì cứu giúp cũng được một trăm bảy mươi ngàn hộ. Đã vậy, cứu được cái nạn đói khát, lại khỏi phải lao nhọc sức dân, thuận với tâm từ bi của Phật, mở rộng cái ý không làm ác của nhân chủ, thì người thần đều vui mừng, công đức thật vô lượng”.

Sớ dâng lên nhưng Tắc Thiên không nhận. Mùa đông năm đó tượng đúc xong. Tắc Thiên dẫn bá quan đến lễ lạy cúng tế.

34. Trung Tông: (Ất Ty)

Trung Tông là con thứ bảy của Cao Tông, mẹ là Hoàng hậu Tắc Thiên. Ông nghe lời can gián của Địch Nhân Kiệt. Tháng giêng, Trương Giản Chi, Ngạn Phạm... cả bảy năm vương đem binh thảo phạt gian thần rồi đón ông lên ngôi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thần Long, dời Tắc Thiên về cung Thượng Dương. Mùa đông năm ấy Tắc Thiên mất,

ông đổi quốc hiệu lại là Đường. Phong Lão Quân làm Huyền Nguyên Hoàng đế. Cảnh Long thứ tư, Vi Hậu sinh công chúa An Lạc. Ông ăn bánh bị ngộ độc rồi mất, thọ năm mươi lăm tuổi. Tương Vương lên nối ngôi.

35. Phòng Dung nhuận văn, dịch Lãng-nghiêm.

Tháng giêng, vua đày Phòng Dung đi Cao châu. Tháng tư tại Quảng Lăng, Dung gặp Phạm Tăng là Bát thích mật đế đem kinh Lãng-Nghiêm bằng Phạm ngữ sang Trung Quốc. Thứ sử thỉnh sư đến đạo tràng chùa Chế Chỉ để phiên dịch, Phòng Dung làm bút thợ. Dịch xong mười quyển, Bát Thích đem bản tiếng Phạm về lại Thiên Trúc.

36. Vua hạ chiếu mời Lục tổ vào triều, Tổ không đi:

Tháng tư Trung Tông hạ chiếu mời Lục tổ Tuệ Năng ở Tào Khê vào kinh thành. Chiếu chỉ viết:

“Trẫm thỉnh hai vị Tuệ An và Thần Tú vào cung cúng dường, những khi rảnh việc quân cơ liền cùng hai vị nghiên cứu Nhất thừa”.

Hai vị ấy đều từ chối nói: “Ở phương Nam có Thiền sư Tuệ Năng là người thâm nhận y pháp của Đại sư Hoàng Nhãn, bệ hạ nên đến đó mà hỏi đạo”. “Nay trẫm sai Nội thị Tiết Giản mang chiếu đến nghinh thỉnh, mong Đại sư hứa khả vào kinh thành gặp”.

Tổ dâng biểu từ chối vì bệnh tật, nguyện trọn đời ở nơi rừng núi. Tiết Giản hỏi tổ:

- Các vị Thiền đức trong kinh thành đều nói: “Muốn thể nhập đạo cần phải tọa thiền tập định. Nếu người không tu thiền định mà được giải thoát là điều chưa từng có. Chẳng rõ pháp mà thầy diễn nói nghĩa lý thế nào?”

Tổ đáp:

- Đạo do tâm ngộ, lẽ đâu ở trong việc ngồi.

Kinh nói: “Nếu thấy Như Lai có ngồi có nằm, là thực hành tà đạo”. Vì sao vậy? Vì chẳng từ đâu đến, cũng chẳng về đâu, như không sinh diệt, là Như Lai thanh tịnh thiền. Các pháp rỗng lặng, là Như Lai thanh tịnh tọa rồi cuộc không có chứng đắc hướng gì là ngồi.

Giản thưa:

- Đệ tử về triều chúa thượng sẽ hỏi, mong thầy từ bi khai thị tâm yếu khiến con thấy tánh rõ đạo.

Tổ đáp:

- Đạo không có sáng tối, sáng tối chỉ là đối đãi, cái sáng sáng mãi

nhưng sẽ cùng tận.

Giản thưa:

- Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não, người học đạo giả sử không dùng trí tuệ soi sáng phá trừ phiền não thì dựa vào đâu thoát ly sinh tử?

Tổ đáp:

- Nếu người dùng trí tuệ soi sáng phá trừ phiền não thì đó là hạng Tiểu thừa, là trẻ con, là xe dê... bậc đại căn thượng trí thì không như vậy.

Giản thưa:

- Thế nào là kiến giải Đại thừa?

Tổ đáp:

- Minh và vô minh tánh nó chẳng hai. Tánh chẳng hai ấy là thật tánh. Thật tánh thì ở trong phàm ngu nhưng không giảm, ở nơi Thánh hiền nhưng không tăng, ở trong phiền não nhưng không loạn, ở trong thiền định nhưng không vắng lặng. Chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến chẳng đi, chẳng ở khoảng giữa, chẳng ở trong ngoài, chẳng sinh chẳng diệt. Tánh tướng như như, thường trụ chẳng đổi, đó gọi là Đạo.

Giản thưa:

- Thầy nói chẳng sinh chẳng diệt thì có khác gì ngoại đạo?

Tổ đáp:

- Ngoại đạo lấy diệt ngăn chặn sinh, lấy sinh hiển bày diệt. Diệt vẫn chẳng diệt, sinh lại vô sinh. Ta nói nó vốn tự không sinh nên nay cũng không diệt, nên không giống như ngoại đạo. Ông muốn biết tâm yếu, chỉ cần không nghĩ đến tất cả thiện ác thì tự nhiên thể nhập được bản tâm thanh tịnh, vắng lặng thường trụ diệu dụng hằng sa.

Tiết Giản đánh lễ tổ quay về triều, dâng biểu tâu lại những lời Tổ giảng. Trung Tông vô cùng tán phục, liền sai sứ mang bình bát, ca-sa... đến cúng dường để tỏ lòng mến mộ của thiên tử.

37. Thiên sư Đại Thông thân tú: (Bính Ngọ)

Thiên sư Thân Tú thị tịch trong năm này. Trung thư Lệnh Trương Thuyết viết bài bia rằng:

“Tụ tứ đại mà thành thân, lập vạn mối mà thành tâm. Thân rộng rang ngay nơi thân mà thấy được tính rộng vắng, vạn mối đồng như diệu dụng. Tâm không thật, quán tâm như huyễn thì đồng với chân như. Vương mặc danh số thì trái ngược diệu bốn, ngôn ngữ tuôn ra thì chân tông ẩn mất. Thế nên Như Lai truyền yếu đạo cho bậc chí đức tận

lực hành trì. Muôn kiếp lâu xa mà trao truyền pháp ấn, một niệm liền thọ nhận Phật thân. Ai là người hoàng dương pháp yếu ấy. Đó chính là Thiền sư Đại Thông”.

Thiền sư họ Lý, tự là Đại Thông, húy là Thần Tú, người ở Trần Lưu. Sư thông suốt chín phái, thấu triệt tâm tông, thân cao tám thước, khôi ngô tuấn tú, ứng với nghiệp vương bá, hợp với phép tắc Thánh hiền. Thuở nhỏ sư vốn là thư sinh cầu học khắp vùng Giang biểu, thấu huyền chỉ của Lão Trang, thông đại nghĩa của thư dịch, tinh thông kinh luận Tam thừa, thấu suốt cả Tứ Phần luật nghi, diễn cổ luận kim, xiển dương tinh hoa trong thời Ngô, Tấn; rõ ràng như gấm lụa, sáng sủa như ngọc vàng. Một đời độ mình độ người, đến khi biết thọ mạng chấm dứt tự tại thoát khỏi thế gian.

Xưa, Sư nghe ở Kỳ châu có Đại sư Hoàng Nhẫn là bậc nối pháp trong thiền môn. Kể từ lúc Bồ-đề Đạt-ma từ Thiên Trúc sang đây truyền trao chánh pháp cho tổ Tuệ Khả, Tuệ Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền cho Hoàng Nhẫn. Sư là người kế tục năm dòng, người học xa gần đua nhau đến tham vấn; nhận cái rỗng rang kế với chân tâm, ngộ lý cao sâu hợp với chân thừa, dứt bật tâm thức ngấm thấu bản tâm, trụ trong cảnh vắng lặng, hành cái hạnh vô vi. Đắc pháp với thầy là xứ sở của Phật Nhiên Đăng vô trụ thuyết pháp là pháp môn không vương. Sư tinh tấn hầu thầy trong sáu năm chẳng kể ngày đêm. Đại sư từng khen:

“Giáo pháp Đông sơn đều ở trong Thần Tú”.

Đại sư liền dẫn sư thăng tòa, nhưng Sư từ chối ra đi, ẩn tu trong mật thất.

Trong niên hiệu Nghi Phụng, đức hạnh vang dội trong cấm cung, thanh danh lẫy lừng trong Tăng chúng. Cách phía Đông chùa bảy dặm đất bằng núi cao, Sư nhìn xem rồi nói:

“Đây chính là ngọn Lãng-già cao vút, là cửa ngõ độ người, nường bóng tùng, dựa hoa cỏ thôi, vì ta sắp già rồi. Mây theo rồng, gió theo hổ, đạo lớn xuất sinh Hiền nhân”.

Chọn được đất Kỳ Dương, Sư liền đến đó dựng đạo tràng, dưới núi Hoa Âm, người học đông không kể xiết, nhưng sư không cho là đông. Về sau dạy người vượt khỏi Tam hữu, vượt hẳn tứ thiền, đến bảy mươi lần thăng tòa, độ đến ba ngàn người, nhưng sư không cho là vượt trội.

Pháp mà sư khai diễn là phải vong niệm dứt tưởng, tinh tấn nhiếp tâm, phẩm vị thể nhập đồng phạm thánh, công hạnh đạt được chẳng có trước sau. Trước khi nhập định phải dứt sạch muôn duyên, sau khi phát

tuệ, tất cả đều Như. Phụng trì Lăng-già thay cho tâm yếu. Xưa nay chưa ai kiệt xuất như sư. Sư tu tập nhiều năm như thế, đến lúc tuổi cao được vua thỉnh vào triều, cùng thẳng diện luận đạo với vua, làm cho bậc vạn thừa cũng phải lễ lạy. Trụ nơi cửu trùng, xiển dương thánh đạo, chẳng lễ lạy vua, đức cao hạnh sâu không theo lễ nghi bề tôi. Sư được tôn xưng là Pháp chủ của hai kinh đô, Quốc sư của ba triều đại. Phật pháp trung hưng, mây lành đốn hiện. Dù ở nơi kinh kỳ nhưng vẫn tỏ rõ được đạo mâu. Mỗi lần đế vương chia tòa, hậu phi thỉnh vấn đều phải nhiễu quanh bốn vòng, đi quanh ba lần. Có lúc thẳng thừng chỉ dạy làm người nghe ngồi im tâm phục, có khi tùy bệnh cho thuốc nên ngắn gọn mà nghĩa sâu. Một trận mưa thấm khắp quần sinh, thì ai nấy đều cảm nhận sự an lạc. Chẳng phải là người an trụ trong vô úy, ứng biến tài tình, ai có thể làm được như vậy. Thánh vương ngày càng cung kính, ban ân ngày càng nồng hậu.

Pháp hội đầu tiên ở Dương Dương, Sư dựng chùa Độ Môn thay nhà thờ tổ tiên thành chùa Báo Ân. Hiền thần trong triều, bô lão trong làng đều khâm phục tài đức của Sư. Do chán cảnh huyên náo, nhớ cảnh vắng lặng, nhiều lần xin về núi, được vua hứa khả. Lâu rồi thân thể già suy, không còn các khổ vây bức, buông thân dứt nghiệp an nhiên thị tịch.

Trong đêm hai mươi tám tháng hai năm Thần Long thứ hai, Sư bảo đồ chúng sắp đặt giường tòa rồi tự tại hóa thân.

Trong niên hiệu Vũ Đức thứ tám, Thiên sư thọ giới Cụ túc tại chùa Thiên Cung, đến cuối đời cũng mất tại chùa này. Hạ lạp của sư tám mươi, Sư sinh cuối đời Tùy, thọ hơn một trăm tuổi, bình sinh sư không nói đến tuổi tác của mình, nên người ta cũng không biết chính xác sư bao nhiêu tuổi.

Lửa trong ba đời tắt ngấm, băng trong bốn châu tan rã, ruộng đã gãy, cột đã hư, chấn động trời đất. Tất cả Pháp thân mới xuất sinh từ kim khẩu, nên lễ tang của sư vẫn giữ đúng lễ nghi như cha mẹ. Vua hạ chiếu sai sứ đến điếu tang, vương hầu đến truy điếu.

Ngày hai tháng ba vua truy tặng sư hiệu là Đại Thông, sắp đặt tang lễ.

Ngày năm vua không thiết triều mà bàn ngày giờ an táng. Hôm ấy vua xa giá đến Ngộ Kiều, vương công khóc tiễn sư đến Y Thủy, lễ nghi được trần thiết vào đến tháp trong núi.

Vào giữa thu, Sư có ý muốn về núi rừng, vua đồng ý. Nhớ lại lời hứa trước, để thỏa nguyện ước của Sư, vua lệnh Thái Thường Khanh

đánh trống thổi kèn dẫn đường, Thánh môn Lang giám hộ việc an táng. Hôm ấy Thiên tử ra khỏi Long môn gạt nước mắt đưa tiễn kim quan, lên đài cao dõi mắt nhìn đám tang đến khi khuất hẳn. Hai bên đường người người đứng tiễn, tràng phan xe hoa, hương xông ngàn dặm. Đến tháng mười thì dựng tháp, vua cấp tiền của để xây tháp trang trí, số tiền lên đến trăm vạn. Trong ấy an trí Đại hồng chung do Tiên đế đúc, kinh tượng của thiên tử sau này, bằng vàng do vua đề tặng, phan cái do chúng Tăng cúng dường. Chùa tháp uy nghiêm rực rỡ vô cùng.

Hồi ấy, Thiên sư tu tập ở Đông Lạc, gặp vua ở Nam kinh, qua nhiều năm tháng ẩn mình nơi Thiên sơn. Sen trắng thác sinh nơi đại thụ. Song lâm biến sắc, sông Tứ ngược dòng, đến như những kẻ loạn nghịch cũng thấy thương tiếc khóc đến trăm ngày. Tại chùa Long hoa mở hội lớn đến tám ngàn người, độ được hai mươi bảy vị. Đó là hai điềm linh tiêu biểu.

Sư lập đạo tràng Tây Minh độ người vô lượng, Bồ-tát Vạn Hồi thỉnh sư vào hậu cung thuyết giảng, được vua ban y gấm vô kể, ngang bằng quốc bảo quốc gia. Vua vô cùng kính trọng, thường xông hương cúng dường Sư. Phước đức bao la của Sư chiêu cảm sự kính ngưỡng lớn lao như thế. Ngày tháng dần xa, muôn việc thăng trầm, đạo chơi nơi dòng pháp, trọn vẹn một tông thừa, thiên tử đau xót vì thuyền từ chìm vôi, hận vì tháp cao lâu mở, lời ban tặng nơi Thạch Thành không đơn độc, bia ở Lô sơn lẽ đâu chẳng dựng ư. Trộm lấy lời của phu tử để bàn về Phu tử vậy. Sinh trong trời đất nhưng chẳng biết trời đất cao dày, uống nước sông biển mà chẳng biết sông biển rộng sâu, gượng xưng như vậy để an ủi tâm sư. Bình minh nói:

*Châu ẩn bên trong
Không bày chẳng biết
Tâm cảnh ngoại trần
Không mài chẳng chiếu
Hải tạng lặng yên
Gió thức lay động
Chẳng vào cửa ngõ
Sao biết pháp yếu
Cao thay Thiên bá
Đứng giữa đất trời
Tóm thâu diệu chỉ
Thấu tận giả danh
Chúng vô sở đắc*

*Buông bỏ kiến giải
 Bóng trắng chân như
 Hiện trong người ngộ
 Vô lượng tri thức
 Là thầy là cha
 Tẩy sạch ưu não
 Rửa sạch mê nghi
 Thân tạm trụ thế
 Thọ mạng vô cùng
 Vượt mọi chướng ngại
 Một sớm ra đi
 Ôi môn nhân ta Không
 khởi ngậm ngùi
 Thành tâm kính ngưỡng
 Nhớ kỹ lời dặn
 Trọn chẳng lìa định
 Luôn luôn tỉnh giác
 Tưởng như còn đây
 Kính cáo hậu học.*

Bấy giờ Kỳ Vương Phạm, Trưng Quân Lô Hồng Nhất đều trừ tác những bia kệ, đều có ghi đầy đủ trong Cựu Đường sử. Sa-môn được vua kính ngưỡng, xưa nay chưa có ai bằng Sư.

Đình Mùi: Đổi niên hiệu là Cảnh Long.

38. Thần tăng Vạn Hồi Pháp Vân Công:

Thần tăng Vạn Hồi vào cung, vua ban cho ngài hiệu là Pháp Vân Công, thỉnh ngài ở tại viện Tập Hiền, cấp cho hai mỹ nhân hầu hạ. Không bao lâu bỗng dưng ngài xin về vùng sông nước ở Văn Hương. Tả hữu khuyên vua đừng đồng ý. Ngài lại xin ra ở vùng đất trước Đệ Huyệt Đường, vua đồng ý. Vạn Hồi uống cạn nước ở đây rồi an nhiên thị tịch. Vua ban ngài hiệu là Quốc Công, họa tượng thờ trong viện Tập Hiền.

Thuở nhỏ, Hồi hay đi bộ ba ngàn dặm để đưa thư cho anh mình, sáng ra đi chiều đã thấy về, nhân đó người ta gọi ngài là Vạn Hồi. Cao Tông nghe danh ngài bèn triệu vào cung, độ làm Sa-môn. Khi Tắc Thiên còn làm vua, có thỉnh ngài vào cung ban cho y gấm, sai cung nhân hầu hạ. Khi ấy Thái tử Trang Tuệ vừa chào đời, Tắc Thiên bỗng đến cho ngài xem. Ngài nói:

- Đứa bé này là thọ tinh bên Tây Vực, tôi xin nuôi nấng và kết

nghĩa làm anh em.

Đến khi công chúa An Lạc cậy thế Vi hậu sắp làm phản, Hồi gặp công chúa, nhỏ nước miếng nói:

- Máu tanh, không nên thân cận.

Không bao lâu, quả nhiên công chúa bị tru di.

Khi Huyền Tông rảnh rỗi thường trò chuyện riêng với ngài. Có lần ngài vỗ vào lưng Huyền Tông nói:

- Năm mươi năm thiên tử thái bình.

Lúc Duệ Tông còn làm Tương vương, mỗi lần ông sắp ra khỏi thành, ngài đều nói với mọi người trong thành:

- Thiên tử đến.

Lát sau thì thấy Tương vương đến.

Những việc thần dị của ngài đại loại như vậy. Sư thị tịch tại dòng suối ngọt ở Trường An, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Luận rằng: Pháp Vân Công có lần làm bài kệ:

*Sáng tối đều quên mở mắt Phật
Chẳng chấp một pháp vượt rừng sen
Chân không chẳng hoại tánh trí linh
Diệu dụng thường còn chẳng tạo tác
Thánh trí xưa nay thành Phật đạo
Tịch quang chẳng chiếu tự viên dung.*

Đó quả là yếu chỉ ngậm tràn đạo vị, là những lời lẽ của bậc liễu ngộ Đại thừa, nhưng Pháp Vân lại chỉ dùng cái thần dị của Tiểu thừa để hoàng hóa. Đến như Phật, Bồ-tát xuất thế hoàng dương chánh pháp nhân đều hòa nhập cùng trần thế, chưa vội tiết lộ được mật hạnh, đến lúc lâm chung, mới dặn dò cho hậu học. Thế nhưng Pháp Vân hiển bày thần dị ngời ngời, vượt xa cái quyền hiện của Thánh hiền vậy.

39. Vua hạ chiếu cho Tăng, Đạo cùng ngang hàng:

Tháng bảy năm này, vua hạ chiếu:

“Huyền tông của kinh Phật lý đồng nhưng sự khác biệt; độ người, dạy đời giáo khác nhưng công ngang nhau. Từ nay mỗi khi có Pháp sự, thì triệu tập hết Tăng Ni Đạo sĩ nữ tu... cùng đứng ngang hàng nhau”.

Trước kia Thái tông cho Lão Tử là Hoàng tông, đặt địa vị cao hơn Phật giáo. Đến đời Tắc Thiên, thì Đạo giáo ở sau Phật giáo. Đến nay thì xếp ngang hàng nhau, và từ nay về sau phải tuân theo phép thức này.

40. Quốc sư Tuệ An thị tịch:

Quốc sư Tuệ An sắp thị tịch, dạy đồ chúng:

- Sau khi ta mất, các ông hãy đặt thân ta nơi đất trống trong rừng sẽ có lửa nơi đồng hoang thiêu hủy thân ta.

Lúc ấy, bỗng nhiên Thần tăng Vạn Hồi đến. Hồi nắm tay ngài nói chuyện, đồ chúng đứng bên lắng nghe nhưng chẳng hiểu gì cả. Đến ngày tám ngài đóng thất, an nhiên thị tịch, thọ một trăm hai mươi tám tuổi. Đồ chúng theo lời dạy, thỉnh thi thể vào rừng thiêu, quả nhiên có lửa nơi đồng hoang hiện ra trà-tỳ thân ngài. Đồ chúng lượm được tám mươi hạt xá-lợi, năm hạt lớn nhất trong số đó có màu đỏ tía, ánh sáng chói lòa. Vua hạ chiếu thỉnh xá-lợi an trí tại thành nội.

41. Vua hạ chiếu thỉnh Thật-xoa-nan-đề vào cung:

Năm này, vua lại hạ chiếu thỉnh Tam tạng Thật-xoa-nan-đề người nước Vu-điền vào Trung Quốc. Vua đích thân đi nghênh đón, bày lễ nghi phan lọng hai bên đường, gióng trống thổi kèn để đón rước ngài, dùng voi thỉnh ngài vào ở tại chùa Tiến Phước. Ngài có thần thái dị thường khôi ngô tuấn tú, rất giỏi lý Đại thừa, lại tinh thông cả Phạm ngữ, Hoa ngữ.

42. Đại Thánh ở Tứ Châu: (Mậu Thân)

Đại sĩ Tăng Già ở Tứ châu được vua thỉnh vào cung cúng dường. Ngài độ Tuệ Nghiễm, Tuệ Ngạn và Mộc Xoa làm thị giả. Vua tự tay dâng tên chùa của ngài đang ở là Phổ Quang Vương. Sau đó ít lâu thỉnh ngài vào trụ tại chùa Tiến Phước. Năm sau kinh kỳ hạn hán, vua thỉnh ngài cầu mưa. Tăng-già cầm bình nước rưới khắp đất, tức thời mây đen từ nơi ngài đứng bay bổng lên trời, lát sau mưa trút xuống. Tháng hai năm sau ngài thị tịch thọ tám mươi ba tuổi, thân sắc vẫn như người sống. Vua hạ chiếu thỉnh nhục thân ngài về an táng dựng tháp tại chùa Tiến Phước, nhưng nhục thân bỗng bốc mùi hôi lan khắp kinh thành, vua liền đốt hương khẩn nguyện, hứa sẽ đưa nhục thân ngài về sông Hoài. Vua nói dứt lời thì mùi thơm ngan ngát trở lại. Khắp kinh thành ai nấy đều thán phục ngạc nhiên. Vua liền thỉnh nhục thân ngài về an táng và dựng tháp tại chùa Phổ Quang Vương ở Tứ Châu.

Hồi ấy, có lần vua hỏi Pháp Vân Công Vạn Hồi:

- Tăng-già là người thế nào?

Hồi đáp:

- Ông ấy là Quán Âm Đại sĩ hóa thân.

Dấu tích thần dị của ngài có nói đầy đủ trong Tự truyện do Tướng

Dĩnh Thúc soạn. Ngài là người Tây Vực đến hoàng hóa ở Trường An, Lạc Dương vào thời Đường Cao Tông. Ngài đi qua các nước như Ngô, Sở, tay cầm nhánh dương trà trộn trong đám Tăng tục. Có người hỏi ngài:

- Thầy họ gì?

Ngài đáp:

- Tôi họ gì.

- Thầy là người nước nào?

Ngài đáp:

- Tôi là người nước nào.

Về sau ngài đến vùng Tứ Thượng muốn lập Già lam. Nơi đây có một ngôi nhà của người họ Châu tặng cho người họ Bạt. Ngài nhìn ngôi nhà nói:

- Đây vốn là ngôi chùa.

Rồi ngài sai người đào đất, quả nhiên phát hiện một bia đá cổ có hàng chữ “Hương Tích Tự” do Lý Long Kiến nước Tề sáng lập. Lại tìm thấy pho tượng Phật bằng vàng, ai nấy đều bảo đó là tượng Phật Nhiên Đăng. Ngài nói:

- Đó là Phật Phổ Quang Vương.

Nhân đó ngài đặt tên ngôi chùa là Phổ Quang Vương. Trong niên hiệu Càn Phù, thiên tử ban cho ngài là Chứng Thánh Đại sư.

43. Vua thỉnh Luật sư Đạo Ngạn vào cung truyền giới.

Kỷ Dậu: Vua thỉnh Luật sư Đạo Ngạn vào cung truyền Tam quy Ngũ giới cho Vương phi, Hoàng hậu, nhân đó giữ ngài ở lại trong cung. Hôm sau vua đến, những vị Tăng khác đều bước khỏi chiếu đón vua, chỉ riêng ngài xoay người bái vua mà thôi. Vua lại càng kính phục đức độ của ngài, họa hình thờ ở cung Lâm Quang, rồi làm bài tán:

Giới sáng thanh cao

Dòng tuệ thanh tịnh

Thân trong Ngũ thiên

Tâm trong Bát định

Học rành Chân tông

Thấu suốt Thật tánh

Nối tiếp dòng pháp

Giữ gìn nước nhà

Luật tạng nhờ đây tỏ rạng

Giáo pháp nhân đây xán lạn.

Thời ấy ngài là người đức cao, được vua trọng vọng nhất.

Ngày Ất Mão tháng tám, tại chùa Hưng Thánh ở Cựu Đệ có cây thị được trồng từ thời Cao Tông, trong năm Thiên Thu, cây này đã chết khô nhưng nay bỗng nhiên xanh tươi trở lại. Nhân đó vua đại xá thiên hạ, phong tước cho bá quan, phổ độ Tăng Ni, Đạo sĩ có đến vài vạn người.

44. Bồ-đề-lưu-chi dịch kinh Đại Bảo Tích:

Tháng chín, vua hạ chiếu thỉnh Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi dịch kinh Đại Bảo Tích tại sân Cam Lô, ao Bạch Liên tại vườn Thượng uyển phía Bắc. Vua lại sai Trung Thư Lục Tượng Tiên, Thượng Thư Quách Nguyên Chấn, Tể tướng Trương Thuyết chỉnh văn. Bộ kinh dịch xong gồm năm mươi chín hội, tổng cộng một trăm hai mươi quyển.

45. Vua hạ chiếu thỉnh Nhất Hành vào cung nhưng ngài không đi.

(Canh Tuất)

Tháng ba năm này, vua hạ chiếu cho Đông Đô Lưu Thú Vi An Thạch đem chiếu chỉ đến Tung sơn thỉnh Sa-môn Nhất Hành vào cung. Nhất Hành lấy cơ bệnh tật từ chối không đi và trốn vào núi Đương dương ở Kinh châu.

Cửu Đường sử ghi:

“Ngài họ Trương, thuở nhỏ có tên là Toại, là cháu của Diệm Quốc Công Công Cẩn, con của của Vũ Công Lệnh Trương Thiệu. Thuở nhỏ ngài rất thông minh, đọc khắp sách sử, từng theo học với Đạo sĩ Doãn Sùng, mượn Thái Huyền kinh về nhà đọc tụng. Vài ngày sau ngài đem trả, Doãn Sùng nói:

- Kinh này thâm sâu, ta từng nghiên ngẫm nhiều năm mà vẫn chưa hiểu, người nên nghiên cứu kỹ, đừng đọc qua loa như vậy.

Ngài nói:

- Tôi đã nghiên ngẫm nghĩa lý trong ấy rồi, nhân đó soạn ra Thái Diễn Huyền Đồ và Nghĩa Quyết, ngài xem thế nào.

Doãn Sùng nhìn thấy thất kinh, nhân đó ngài cùng luận bàn nghĩa lý thâm sâu trong ấy. Nhất Hành ra về, Sùng nói với mọi người:

- Người ấy là bậc kỳ tài trong đời.

Từ đó ngài nổi tiếng khắp nơi. Hồi ấy Vũ Tam Tư mến mộ tài năng của ngài nên xin kết giao làm bạn hữu, nhưng ngài trốn tránh ông ấy. Sau đó ngài xuất gia và đi cầu học dị thuật khắp nơi trong thiên hạ. Ngài đến chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai thấy một tự viện cổ, có

tùng bao bọc, có đến mấy mươi lớp cửa, lại nghe có tiếng nước chảy. Nhất Hành liền đứng nơi ngạch cửa lắng tai nghe tiếng của một vị Tăng đang dạy toán pháp trong sân. Vị Tăng ấy nói với đồ chúng: “Hôm nay sẽ có một đệ tử từ xa lặn lội đến đây cầu học toán pháp của ta. Ông ấy đến trước cửa rồi, sao chẳng thấy ai ra dẫn ông ta vào.”

Vị Tăng này làm phép trừ rồi nói:

- Trước cửa nước sẽ chảy theo hướng Tây, ông đệ tử này cũng đến từ hướng đó.

Nhất Hành quay lại nhìn dòng suối, quả nhiên nước đã chảy qua hướng Tây. Nhất Hành nghe vậy, liền chạy ngay vào đảnh lễ vị Tăng xin học toán pháp. Vị Tăng ấy liền truyền trao hết bí quyết cho ngài. Từ đó ngài lâu thông các học thuật như Lịch tượng, âm dương, Tíh bước đi... Ngài về lại Tung sơn theo Thiền sư Phổ Tịnh tham quyết tông chỉ Thiền tông, sau qua núi Đương Dương theo Luật sư Tuệ Ngộ học Luật. Tất cả những kinh sách chỉ cần đọc qua một lần thì ngài trọn đời không quên”.